CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

LAM SON SUGAR CANE JOINT STOCK CORPORATION

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

ANNUAL REPORT

MỤC LỤC

THÔNG ĐIỆP

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT 3

TỔNG QUAN CÔNG TY

Thông tin khái quát 5
Quá trình hình thành và phát triển 6
Sứ mệnh, Tầm nhìn, Giá trị cốt lõi 8
Điểm nhấn năm 2014 10

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình quản trị 13
Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty 14
Các công ty con - liên kết 15
Giới thiệu Hội đồng quản trị 19
Giới thiệu Ban kiểm soát 22
Giới thiệu Ban điều hành 23
Những thay đổi trong quản trị - điều hành 25

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG TY

Các rủi ro 26
Định hướng phát triển 28
Chiến lược phát triển 2015-2020 28
Kế hoạch 2015, nhiệm vụ và giải pháp 30

THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2014

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 33
Tình hình tài chính 33
Tình hình đầu tư - thực hiện dự án 35
Nguồn nhân lực 36

THÔNG TIN VỀ QUẢN TRỊ - ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Hoạt động của Hội đồng quản trị 38
Hoạt động của Ban điều hành 40

THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động của Ban kiểm soát 45
Thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT-BKS 47

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

Cơ cấu cổ đông 49
Danh sách cổ đông sở hữu từ 5% số lượng cổ phần trở lên 50
Danh sách cổ đông nội bộ 50

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN NĂM 2013

Báo cáo tài chính kiểm toán của Công ty mẹ 53
Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất 64

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý vị cổ đông và các nhà đầu tư!

Năm 2014 đã đi qua cùng với những khó khăn lớn của kinh tế Thế giới và trong nước, ngành mía đường tiếp tục khó khăn hơn, cây mía và công nghiệp chế biến đường ở Việt Nam đang mất dần lợi thế, diện tích trồng mía bị thu hẹp, năng suất thấp, giá đường giảm sâu (so với niên vụ 2010-2011 giá giảm 50%, các nhà thương mại kinh doanh đường thua lỗ nặng bỏ nghề; Tâm lý người trồng mía dao động, trong khi đó giá mua mía và các chi phí thu mua, vận chuyển mía đều cao hơn Thế giới. Thị trường chứng khoán và giá cổ phiếu giảm (50% cổ phiếu của 6 công ty ngành đường có niêm yết đều thấp dưới mệnh giá, riêng LSS giảm 19% so với mệnh giá).

Trong bối cảnh chung đó, năm 2014 – LASUCO vẫn đứng vững và có bước phát triển mới, đã hoàn thành vượt mức toàn diện kế hoạch mà Đại hội Cổ đông giao: Lợi nhuận trước thuế vượt 27%, tăng 34% so với năm 2013; Nộp ngân sách 104,7%; Cổ tức (dự kiến) 109% kế hoạch; Tài chính lành mạnh; Vốn được tăng trưởng; Công tác thị trường có tiến bộ mới, xây dựng và củng cố tín nhiệm của các hãng tiêu thụ lớn và hệ thống đại lý bán lẻ, mở rộng thương hiệu LAMSON SUGAR. Bắt đầu thực hiện nhập khẩu đường thô và đường vàng cho tinh luyện. Bộ máy tổ chức quản trị, điều hành quản lý được cơ cấu lại tinh giảm, gọn nhẹ, hoạt động hiệu lực hơn, lao động được tinh giảm, năng suất lao động tăng hơn năm trước. Công tác tổ chức và phát triển vùng nguyên liệu được triển khai tập trung cao, Dự án "Làm mới toàn diện, đồng bộ cây mía hạt đường Lam Sơn" được triển khai, cùng với các chính sách khuyến khích người trồng mía đã và đang có tác dụng thiết thực, người trồng mía yên tâm hơn. Các giải pháp đầu tư thâm canh, tiết kiệm, hạ giá thành sản xuất mía đang được lan tỏa rộng - Nhiều hộ đã có năng suất từ 120-150 tấn/ha, chất lượng mía toàn vùng vụ này tăng hơn vụ trước. Dự án đổi mới công nghệ, thiết bị nâng công suất và đặc biệt nâng chất lượng đã phát huy hiệu quả. Sản phẩm đường tinh luyện đạt 80%.

Dự án đầu tư Trung tâm nghiên cứu và phát triển nhân nuôi cấy mô sản xuất giống mía công nghệ cao, quy mô công nghiệp bằng nguồn vốn tự có và vốn tài trợ của Bộ Khoa học & Công nghệ và vốn vay không lãi suất của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh Thanh Hóa đã đi vào hoạt động có kết quả, tiếp nhận và giải phóng mặt bằng 130ha đất và một số cơ sở hạ tầng đường bờ lô thửa, kênh tưới tiêu, 6 giống mía mới có ưu thế năng suất chất lượng cao, sạch bệnh,

bước đầu được nhân mới trên đồng ruộng cho kết quả khả quan, đồng thời tổ chức nghiên cứu và phát triển một số giống hoa, rau, quả thực phẩm hữu cơ sạch, an toàn có nhu cầu lớn và giá trị cao được thị trường chấp nhận. Triển vọng mở rộng không chỉ thị trường trong nước mà còn xuất khẩu tham gia hội nhập sắp tới, khẳng định lợi thế mới, vị thế mới, hình ảnh mới của LASUCO tiên phong đi vào lĩnh vực phát triển nông nghiệp công nghệ cao.

Năm 2014 cũng là năm triển khai được một số hợp tác liên kết cụ thể với một số doanh nghiệp, nhà khoa học Cộng hòa Liên bang Đức, Nhật Bản, Úc… Tranh thủ được sự hợp tác của một số tổ chức Quốc tế, USAID, SNV… để tiếp tục nghiên cứu và chuyển giao công nghệ mới, khai thác các phụ phẩm nông nghiệp và mía đường, tạo ra các sản phẩm mới, năng lượng tái tạo, năng lượng sinh học… tăng thêm giá trị gia tăng, bổ sung ngành nghề, nâng cao sức cạnh tranh của mía đường được Lãnh đạo Tỉnh, các Bộ và các đối tác đồng tình ủng hộ và đánh giá tích cực. Những thành quả đạt được để lại những dấu ấn tốt năm 2014 và tạo động lực cho những năm tiếp theo.

Tuy nhiên đối chiếu với các nhiệm vụ mà Đại hội cổ đông thường niên 2014 giao, tuy đã hoàn thành nhưng tốc độ tăng trưởng chưa đạt kỳ vọng, công tác nguyên liệu mía tuy đã tập trung cao nhưng vẫn đang là nan giải, diện tích trồng mía bị thu hẹp, năng suất chưa cải thiện, giá cổ phiếu LSS trên thị trường chứng khoán vẫn chưa được cải thiện, nhất là từ đầu năm 2015 đến nay giá cổ phiếu xuống thấp dưới mệnh giá, gây quan ngại đối với các cổ đông – Là những mặt hạn chế, là những thách thức lớn đối với LASUCO. Chúng tôi đã nhận thức được trách nhiệm của mình đã và đang có những định hướng mục tiêu và giải pháp cụ thể trình bày trong các báo cáo trình trước Đại hội đồng cổ đông thường niên này.

Thưa Quý vị cổ đông!

Năm 2015 đã qua gần 1/3 thời gian. Những thuận lợi và khó khăn đang dần lộ ngày càng rõ nét. Tình hình kinh tế Việt Nam được dự báo là khả quan, Thông điệp đầu năm của Thủ tướng Chính phủ coi năm 2015 là năm DOANH NGHIỆP, nhiều chủ trương, chính sách của Chính phủ chú trọng khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp và hội nhập phát triển.

Với LASUCO, năm 2015 tròn 35 năm xây dựng và phát triển, 15 năm doanh nghiệp cổ phần hóa với những thành tựu đã đạt được, đặc biệt là những cơ sở vật chất kỹ thuật, thiết bị và công nghệ tiên tiến, cùng đội ngũ cán bộ kỹ sư và những người lao động có tay nghề cao, gần 30.000 hộ nông dân đã gắn bó tâm huyết với LASUCO, cùng các mối quan hệ trực tiếp và gián tiếp trong nước và ngoài nước mà LASUCO đã dày công xây dựng là nguồn tài sản quý giá nguồn lực tạo sức mạnh to lớn để chúng ta vững tin vượt qua mọi khó khăn hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2015 – Năm kết thúc nhiệm kỳ này, đồng thời chuẩn bị tích cực các điều kiện cho bước phát triển mới cao hơn trong thời kỳ hội nhập 2016-2020.

Rất mong được quý cổ đông, nhà đầu tư và các đối tác quan tâm, vững tin hợp tác đưa LASUCO tiếp tục phát triển bền vững.

Trân trọng!

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

ANH HÙNG LAO ĐỘNG
LÊ VĂN TAM

TỔNG QUAN CÔNG TY

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên Công ty

Tên tiếng Việt: Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn

Tên tiếng Anh: Lam Son sugar cane Joint Stock Corporation

Tên giao dịch: Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn

Tên viết tắt: LASUCO

Mã giao dịch: LSS

Vốn điều lệ: 700.000.000.000 đồng

Vốn Chủ sở hữu: 1.470.030.800.000 đồng

Ngày thành lập:

Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn thành lập ngày 06 tháng 12 năm 1999 do Thủ tướng chính phủ quyết định chuyển đổi từ Công ty đường Lam Sơn (Tiền thân là Nhà máy đường Lam Sơn được thành lập ngày 31/03/1980).

Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam Giấy CNĐKKD: 056673 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp vào ngày 23 tháng 12 năm 1999 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 8 với số CNĐKKD 2800463346 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23 tháng 12 năm 2014.

Chủ tịch Hội đồng quản trị là đại diện theo pháp luật của Công ty.

Thông tin liên lạc

Trụ sở chính: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

Điện thoại: 0373.8 996 667

Fax: 0373.834 092

E-mail: lasuco@hn.vnn.vn

Website: www.lasuco.vn, www.lasuco.com.vn

Biểu tượng của Công ty:

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG TY

Ngày 12/01/1980

Thủ tướng Chính phủ ký quyết định số 24/TTg phê duyệt nhiệm vụ thiết kế xây dựng Nhà máy đường Lam Sơn, công suất 1.500 tấn mía/ngày, thiết bị và công nghệ của hãng FCB Cộng hòa Pháp cung cấp.

Ngày 28/04/1984

Bộ Trưởng Bộ Công nghệ Thực phẩm (nay là Bộ NN & PTNT) ký quyết định số 24/CNTP-TCCB thành lập Nhà máy Đường Lam Sơn.

Ngày 02/11/1986

Nhà máy đường Lam Sơn đi vào sản xuất vụ đầu tiên.

Ngày 08/11/1994

Bộ Trưởng Bộ NN & PTNN ký quyết định số 14/NN/TCCB đổi tên Nhà máy đường Lam Sơn thành Công ty đường Lam Sơn.

Tháng 10/1995

Thành lập Hiệp hội Mía đường Lam Sơn trong đó Công ty đường Lam Sơn giữ vai trò thành viên sáng lập. Hiệp hội là đầu mối giữa Doanh nghiệp-Nông dân-Trí thức, nơi gìn giữ lòng tin của bà con nông dân để hỗ trợ, thúc đẩy các chương trình trồng trọt, nhân giống, phát triển vùng nguyên liệu mía bền vững, năng suất, chất lượng.

Ngày 21/10/1996

Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đầu tư Dự án Nhà máy đường Số II theo quyết định số 775/TTg với tổng mức đầu tư 451,098 tỷ đồng. Vụ 1998 -1999 dự án đã đi vào hoạt động đưa năng lực sản xuất của Công ty lên 6.500 TMN, gấp 2,6 lần trước đầu tư.

Năm 1999

Thủ tướng Chính phủ ký quyết định số 1133/QĐ-TTg chuyển Công ty đường Lam Sơn thành Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn, vốn điều lệ 150 tỷ đồng với thí điểm mô hình bán cổ phần ưu đãi cho người trồng mía. Từ ngày 01/01/2000 Công ty hoạt động theo luật Doanh nghiệp.

Tháng 6/2001

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn thực hiện phát hành thêm cổ phiếu phổ thông, tăng vốn điều lệ từ 150 tỉ lên 200 tỉ đồng.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG TY

Năm 2004

Đưa dự án Nhà máy Cồn số 2 công suất 25 triệu lít/năm với tổng mức đầu tư 163 tỷ đồng vào sản xuất, sau gần một năm xây dựng, lắp đặt.

Tháng 5/2007

Công ty đã phát hành thêm cổ phiếu trả cổ tức, theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2005, 2006 và kết quả đăng ký thực hiện của các cổ đông tăng vốn điều lệ lên 300 tỉ đồng

Ngày 09/01/2008

Cổ phiếu mã LSS của LASUCO chính thức được niêm yết và giao dịch tại sàn chứng khoán HOSE theo quyết định chấp thuận số 182/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh.

Ngày 08/03/2012

Công ty hoàn thành đầu tư xây dựng Dự án nâng công suất Nhà máy đường số 2 từ 4.000 TMN lên 8.000 TNM với công nghệ tiên tiến gắn với Nhà máy điện 12,5MW, đưa tổng công suất toàn Công ty lên 10.500 TMN.

Tháng 9/2014

LASUCO chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 500 tỷ lên 700 tỷ đồng.

SỨ MỆNH - TẦM NHÌN - GIÁ TRỊ CỐT LÕI

TẦM NHÌN

Xây dựng và phát triển LASUCO thành một doanh nghiệp Xanh bền vững đủ sức cạnh tranh và hội nhập.

SỨ MỆNH

- "Hợp tác phát triển bền vững – vì Cộng đồng"; mang lại lợi ích cho Cổ đông, Nhà đầu tư, Người trồng mía, Người lao động, bảo đảm giải quyết hài hòa các mối quan hệ lợi ích, có tinh thần trách nhiệm cao với cộng đồng, xã hội và môi trường.
- Xây dựng, phát triển và tôn vinh Thương hiệu Lasuco thành một thương hiệu mạnh, uy tín trong nước và quốc tế.
- Tạo ra một lực lượng lao động trí thức trẻ năng động có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, có tâm, có tầm để xây dựng doanh nghiệp ngày càng giàu mạnh và phát triển ổn định, bền vững.
- Tham gia đóng góp tích cực vào các hoạt động xã hội hướng về cộng đồng, thể hiện tinh thần tương thân tương ái và trách nhiệm công dân đối với đất nước.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- Chất lượng - uy tín - hiệu quả: Lấy chất lượng là mục tiêu hàng đầu, luôn giữ chữ tín trong mọi cam kết, lấy thước đo hiệu quả trong mọi công việc.
- Trách nhiệm - thân thiện - bền vững: Giữ trách nhiệm đến cùng, luôn tạo quan hệ thân thiện nhân văn, xây dựng bền vững các mối quan hệ trên cơ sở cùng có lợi.
- Tự chủ - năng động - sáng tạo: Luôn tự chủ trong mọi công việc, phản ứng linh hoạt, năng động, sáng tạo, đổi mới để vượt qua khó khăn để đạt mục tiêu cuối cùng đã cam kết.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh chính: Công nghiệp sản xuất đường, cồn, điện; Sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao: Rau, Hoa, quả cao cấp.

Ngành nghề kinh doanh khác:

- Công nghiệp nước uống có cồn và không có cồn; Chế biến các sản phẩm sau đường, nông, lâm sản, thức ăn gia súc; Dịch vụ vận tải, cơ khí, cung ứng vật tư nguyên liệu.
- Sản xuất và cung ứng giống cây, con, tiêu thụ sản phẩm; Chế biến các sản phẩm nông sản, thực phẩm, kinh doanh thương mại, khách sạn, ăn uống, xuất nhập khẩu các sản phẩm trên và máy móc, thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế phục vụ cho sản xuất kinh doanh.
- Nghiên cứu và phát triển khoa học nông nghiệp, công nghiệp; nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt; Dịch vụ sửa chữa và gia công máy móc, thiết bị; Dịch vụ làm đất nông, lâm nghiệp.

ĐỊA BÀN KINH DOANH CỦA CÔNG TY

Chủ yếu thị trường trong nước; triển khai có hiệu quả chương trình xuất khẩu và nhập khẩu.
Thị phần của công ty chiếm 8% sản lượng đường tiêu thụ cả nước.

MỤC TIÊU CỦA CÔNG TY

Xây dựng và phát triển LASUCO thành DOANH NGHIỆP XANH bền vững mang lại lợi ích cho cổ đông, nhà đầu tư, người trồng mía và người lao động, giải quyết hài hòa các mối quan hệ lợi ích. Có trách nhiệm với cộng đồng, xã hội và môi trường.

PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG

Tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ Công ty phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

NHỮNG ĐIỂM NHẤN NĂM 2014

1. Năm 2014 - một năm thực hiện hiệu quả tái cấu trúc bộ máy quản trị, điều hành LASUCO và các đơn vị thành viên, đã tạo ra động lực mới và hiệu lực kỷ cương trong điều hành và thực hiện.

- Ngày 28/4/2014, Đại hội đồng cổ đông thường niên đã miễn nhiệm HĐQT đương nhiệm và bầu lại HĐQT mới để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ nhiệm kỳ 2011-2015;
- Ngày 30/5/2014, HĐQT đã miễn nhiệm Ban Tổng giám đốc điều hành đương nhiệm và bổ nhiệm Ban Tổng giám đốc điều hành mới;
- Quý IV/2014, tái cấu trúc lại bộ máy HĐQT, Ban giám đốc và cán bộ quản lý tại Công ty CP Phân bón Lam Sơn, với mục tiêu "Chất lượng tốt, giá thành rẻ và dịch vụ tốt nhất". Giá phân bón giảm 17% so với vụ trước, chất lượng tốt, dịch vụ phục vụ chu đáo.

2. Năm 2014 mặc dù ngành mía đường rất khó khăn nhưng Công ty vẫn hoàn thành vượt mức kế hoạch toàn diện:

Lợi nhuận trước thuế vượt 27% kế hoạch và tăng 34% so với năm 2013, trong điều kiện giá mua mía vẫn ổn định và đảm bảo thu nhập và các chính sách bảo hiểm cho người lao động. Tình hình tài chính lành mạnh.

3. Ngày 3/11/2014, HĐQT đã ban hành chính sách đầu tư và phát triển nguyên liệu giai đoạn 2015-2020 và tầm nhìn 2025 theo thông báo Số 998 TB/ĐLS-NN. Chính sách mới mang tính cách mạng, đặc biệt có ý nghĩa trong bối cảnh niềm tin giảm sút, được Người trồng mía tin tưởng, hưởng ứng và chính quyền địa phương các cấp đồng tình ủng hộ. Diện tích trồng mới mở rộng vụ 2015-2016 đã phục hồi và tăng 8% so với vụ 2014-2015.

4. Đưa cơ giới hóa đồng bộ lại đất, trồng, chăm sóc, thu hoạch, nâng cao năng suất, chất lượng, giảm lao động, hạ giá thành cây mía, nâng cao thu nhập cho nông dân. Ngày 10/12/2014 Công ty đã đầu tư 10 tỷ đồng mua một máy thu hoạch hiệu John Deere của Mỹ đưa vào thử nghiệm, có thể thay được 250-300 lao động/ngày, được đánh giá là thành công cả về năng suất và hiệu quả, là dấu mốc quan trọng bước vào giai đoạn cơ giới hóa đồng bộ vùng nguyên liệu mía Lam Sơn.

5. Năm 2014, Trung tâm Nông nghiệp công nghệ cao vừa đầu tư xây dựng vừa sản xuất cho ra nhiều sản phẩm có giá trị như giống mía, rau, quả & hoa được thị trường chấp nhận. Công ty được Bộ NN&PTNT và Bộ Khoa học Công nghệ phê duyệt Dự án ***"Nghiên cứu & phát triển các giống mía có năng suất, chất lượng cao, sạch bệnh bằng phương pháp nhân nuôi cấy mô, quy mô công nghiệp".*** Đây là cơ sở để triển khai chương trình chiến lược nhân giống, cung cấp giống mía, phấn đấu đến năm 2020 đảm bảo cung cấp >=90% giống mía toàn vùng.

6. Công tác thương mại đổi mới và tiến bộ vượt bậc, đóng góp quan trọng vào hoàn thành vượt mức kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2014, đồng thời triển khai nhiều công việc mới mang tính đột phá: Lần đầu tiên nhập khẩu trực tiếp 5000 tấn đường thô theo quota do Bộ Công Thương cấp và ký hợp đồng mua nội địa 15.000 tấn đường vàng tinh luyện trong vụ 2014-2015.
Đây là bước chuẩn bị quan trọng cho những quy mô nhập khẩu lớn hơn đáp ứng yêu cầu SXKD trong những năm tiếp theo.

7. Công tác hợp tác liên kết hội nhập được triển khai có hiệu quả, hình ảnh LASUCO được khẳng định rõ nét hơn: thị trường được mở rộng, các bạn hàng lớn tăng thêm, lãnh đạo địa phương và bà con trồng mía tin tưởng, gắn bó hơn. Công ty được nhận: Cờ thi đua của Chính Phủ; 3 Bằng khen của UBND Tỉnh Thanh Hóa; Cúp vàng Doanh nghiệp phát triển bền vững; tiếp tục trong top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam; top 1000 DN nộp thuế TN lớn nhất; top 10 thương hiệu mạnh; Doanh nghiệp doanh nhân xuất sắc ASEAN; Chủ tịch HĐQT được UNESCO trao danh hiệu "Đại sứ về đạo đức kinh doanh toàn cầu"; Danh hiệu "Doanh nhân xuất sắc đất Việt"...

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

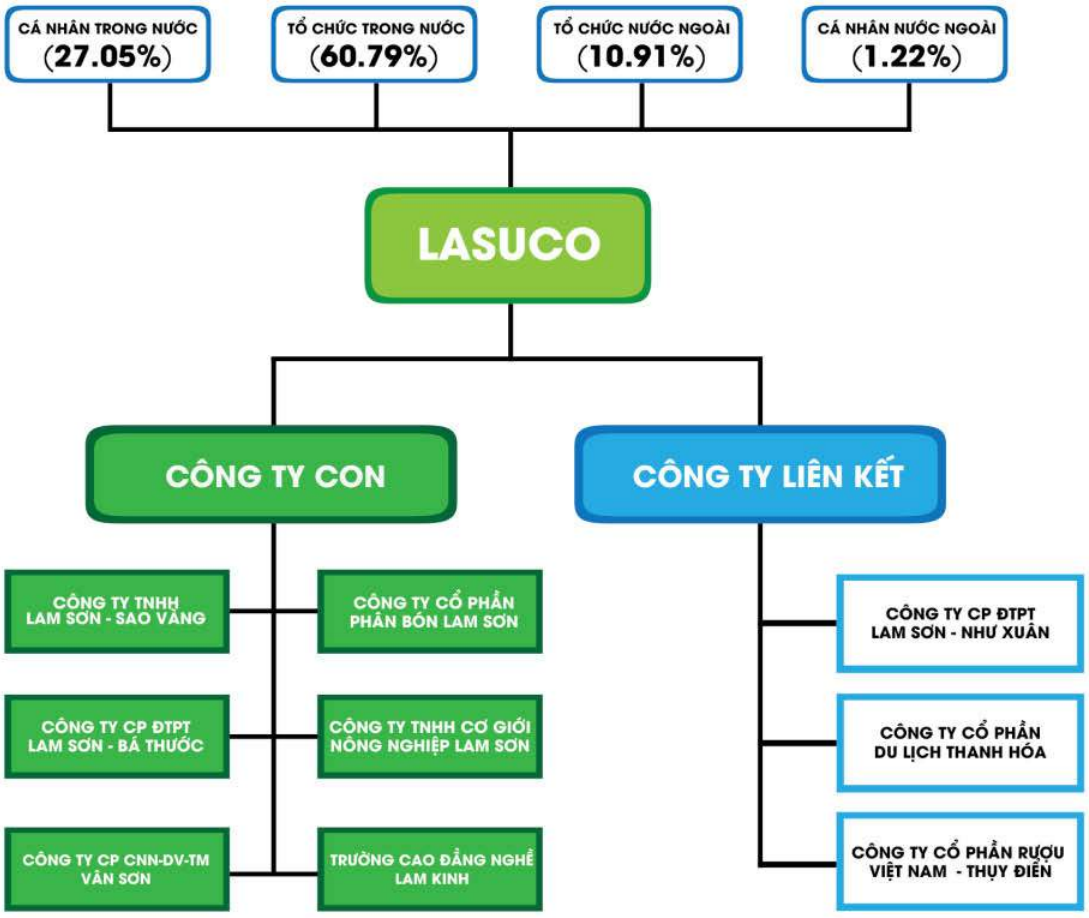

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ LASUCO

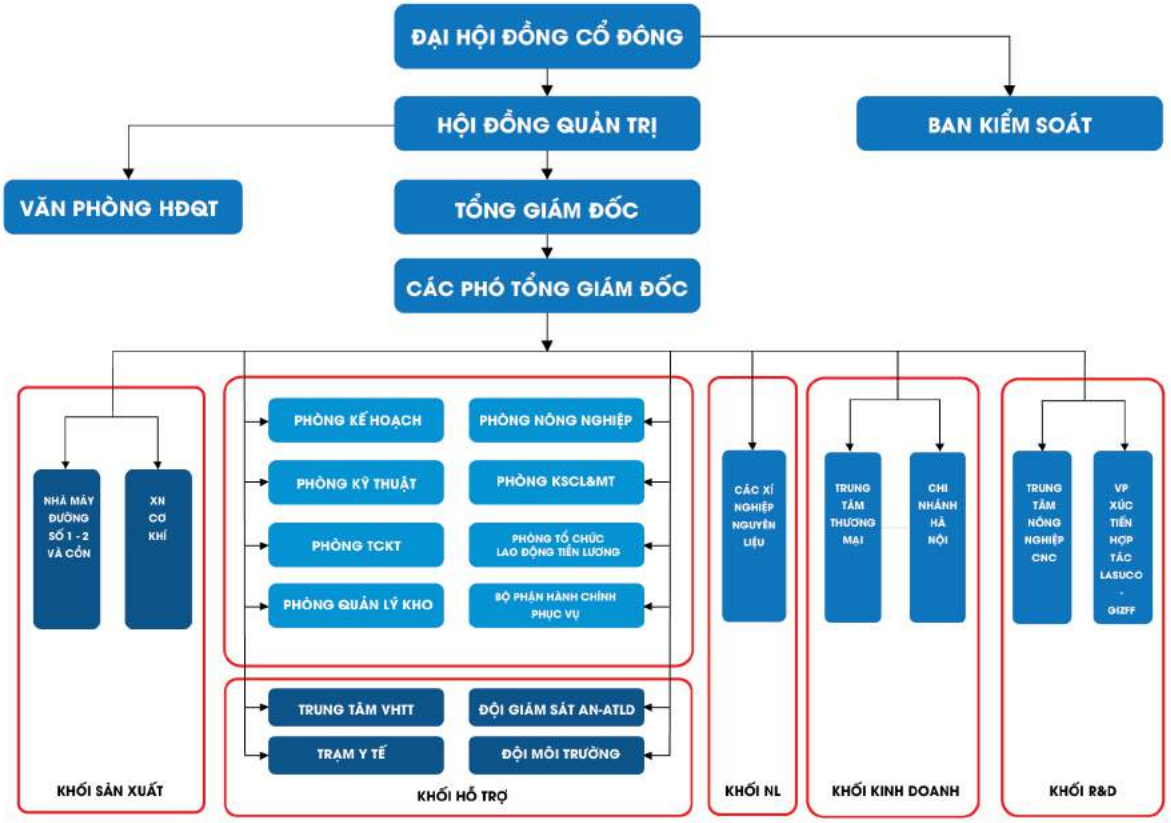

CÁC CÔNG TY CON - CÔNG TY LIÊN KẾT

I. CÁC CÔNG TY CON

1. Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn

Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2603000123, đăng ký lần đầu ngày 24/12/2003 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thanh Hóa. Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 6 ngày 26/02/2013 với mã số doanh nghiệp là 2800783723.

Trụ sở chính: Thôn Đá Dựng - Xã Xuân Phú - Huyện Thọ Xuân - Tỉnh Thanh Hóa

Vốn điều lệ: 15.500.000.000 đồng (Mười lăm tỷ năm trăm triệu đồng)

Góp vốn của Lasuco: 15.500.000.000 đồng, chiếm 100 % vốn điều lệ .

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kinh doanh, xuất nhập khẩu phân bón các loại; San lấp mặt bằng ; Hoạt động dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi; Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch; Xử lý hạt giống để nhân giống

2. Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng

Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2800786957, đăng ký lần đầu ngày 26/12/2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 08/05/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp.

Trụ sở chính: Thị trấn Sao Vàng - Huyện Thọ Xuân - Tỉnh Thanh Hóa

Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng)

Góp vốn của Lasuco: 20.000.000.000 đồng, chiếm 100% vốn điều lệ.

Ngành nghề kinh doanh: Trồng mía; cao su; cây ăn quả và trồng cây hàng năm khác; Hoạt động dịch vụ trồng trọt;

Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Chế biến và bảo quản rau quả; Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp; Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh và trồng cây lâu năm khác.

3. Công ty TNHH Cơ giới Nông nghiệp Lam Sơn

Được chuyển đổi từ Công ty Cổ phần Cơ giới Nông nghiệp Lam Sơn theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2800862767 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 19/09/2005 và sửa đổi lần 5 ngày 17/09/2013.

Trụ sở chính: Khu 6 - Thị trấn Sao Vàng - Huyện Thọ Xuân - Tỉnh Thanh Hóa

Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng)

Góp vốn của Lasuco: 10.049.500.000 đồng, chiếm 50,25 % vốn điều lệ của Công ty

Ngành nghề kinh doanh: Dịch vụ cơ giới nông nghiệp; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; Sửa chữa máy móc thiết bị; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Trồng mía; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Kinh doanh xuất, nhập khẩu phương tiện cơ giới làm đất, trồng, chăm sóc và thu hoạch mía

4. Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Lam Sơn - Bá Thước

Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký Công ty cổ phần ngày 18/02/2011, mã số doanh nghiệp là 2801664422.

Trụ sở chính: Phố 3 - Thị trấn Cành Nàng - Huyện Bá Thước - Tỉnh Thanh Hóa

Vốn điều lệ: 18.000.000.000 đồng (Mười tám tỷ đồng chẵn)

Góp vốn của Lasuco: 10.500.000.000 đ, chiếm 58,33% vốn điều lệ của Công ty

Ngành nghề kinh doanh: Trồng cây mía, Trồng cây gia vị, cây dược liệu.

Khai thác gỗ, thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác; Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp Sản xuất đồ gỗ xây dựng, sản xuất bao bì bằng gỗ, sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện.

Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón; Khai thác xử lý và cung cấp nước; Trồng rau, đậu các loại, trồng hoa, cây cảnh, trồng cây hàng năm khác.

5. Công ty Cổ phần Nông công nghiệp Dịch vụ Thương mại Vân Sơn

Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2801751192 ngày 09/12/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thanh Hóa cấp.

Trụ sở chính: Xã Vân Sơn - Huyện Triệu Sơn - Tỉnh Thanh Hóa

Vốn điều lệ: 12.000.000.000 đồng (Mười hai tỷ đồng chẵn)

Góp vốn của Lasuco: 9.000.000.000 đồng, chiếm 75% vốn điều lệ của Công ty

Ngành nghề kinh doanh: Trồng cây mía, cây lấy củ
có chất tinh bột, rau đậu các loại, trồng hoa, cây cảnh, cây hàng năm khác; Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp.

Chăn nuôi trâu bò, lợn, gia cầm và chăn nuôi khác; Hoạt động dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi, dịch vụ sau thu hoạch; Xử lý hạt giống để nhân giống, trồng rừng và chăm sóc rừng.

Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt, rau quả.

Khai thác gỗ, khai thác lâm sản, trừ gỗ; Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, khoáng hóa chất và khoáng phân bón; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác.

6. Trường cao đẳng nghề Lam Kinh

Trụ sở chính: Thị trấn Sao Vàng - Huyện Thọ Xuân - Tỉnh Thanh Hóa

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng chẵn)

Vốn thực góp đến 31/12/2012: 5.679.854.253 đồng.

Vốn góp của Lasuco: 4.521.517.162 đồng, =20,41 % vốn điều lệ.

Hoạt động dạy nghề:

- Chế biến thực phẩm.
- Quản trị khách sạn.
- Kế toán doanh nghiệp.
- Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ.

II. CÔNG TY LIÊN KẾT

1. Công ty cổ phần Du lịch Thanh Hóa

Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hóa hoạt động theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 2603000035 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thanh Hoá cấp ngày 04/03/2002 và thay đổi ĐKKD lần 1 vào ngày 09/05/2006.
Trụ sở chính: 25A Quang Trung - Phường Ngọc Trạo - Thành phố Thanh Hóa
Vốn điều lệ: 11.998.800.000 đồng (Mười một tỷ, chín trăm chín tám triệu, tám trăm nghìn đồng)
Góp vốn của Lasuco: 5.556.200.000 đồng, chiếm 46,30 % vốn điều lệ của Công ty
Ngành nghề kinh doanh:
- Dịch vụ khách sạn; Dịch vụ thương mại và dịch vụ khác; Kinh doanh kho tàng, bến bãi.
- Quản lý và kinh doanh nhà, cho thuê nhà và đất ở, cơ sở sản xuất kinh doanh.
- Xây dựng nhà các loại, công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật đô thị, xây lắp điện nước.
- Kinh doanh lữ hành, vận tải hành khách đường bộ, đường thủy nội địa.
- Xuất nhập khẩu hàng hóa, máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất và xây dựng, phương tiện vận tải, ô tô, xe máy và phụ tùng, hàng điện tử, điện lạnh, hàng công nghệ tiêu dùng, vật liệu xây dựng, thực phẩm vật tư nông nghiệp …

2. Công ty CP Đầu tư phát triển Lam Sơn - Như Xuân

Công ty CP Đầu tư phát triển Lam Sơn - Như Xuân được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2801700568 ngày 18/07/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thanh Hóa cấp.
Trụ sở chính: Thôn 8 - Xã Xuân Hòa - Huyện Như Xuân - Tỉnh Thanh Hóa
Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng chẵn)
Góp vốn của Lasuco: 15.000.000.000 đồng, chiếm 30% vốn điều lệ của Công ty
Ngành nghề kinh doanh:
- Trồng cây mía; Hoạt động dịch vụ trồng trọt.
- Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác.
- Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón.
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện.
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác.
- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ.

3. Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển

Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 012032000254 ngày 20/09/2007 do Ban quản lý các Khu công nghiệp và Chế xuất Hà Nội cấp và chứng nhận thay đổi lần 3 ngày 22/02/2011.
Trụ sở chính: Lô CN - B3 - KCN Phú Nghĩa - Xã Phú Nghĩa - Huyện Chương Mỹ - Thành phố Hà Nội
Vốn điều lệ: 70.000.000.000 đồng (Bảy mươi tỷ đồng chẵn)
Góp vốn của Lasuco: 21.500.000.000 đ, chiếm 30,71% vốn điều lệ của Công ty
Ngành nghề kinh doanh:
- Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh.
- Đóng chai các loại rượu; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.
- Kinh doanh các loại rượu và đồ uống khác do Công ty sản xuất.
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

III. GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông LÊ VĂN TAM
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Ông Lê Văn Tam - Chủ tịch HĐQT - Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới.

Ngày sinh: 10/11/1937

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

- Từ 10/1971 - 06/1975: Công tác tại tại Phòng Kế hoạch - Ty Nông nghiệp Tỉnh Thanh Hóa.
- Từ 7/1975 - 01/1977: Phó Phòng Kế hoạch - Ty Nông nghiệp Tỉnh Thanh Hóa.
- Từ 02/1977 - 06/1978: Trưởng Phòng Kế hoạch - Ty Nông nghiệp Tỉnh Thanh Hóa.
- Từ 7/1978 - 06/1986: Phó giám đốc Sở Nông nghiệp Thanh Hóa.
- Từ 07/1982 - 10/1988: Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp, kiêm trưởng ban quản lý xây dựng vùng mía Thanh Hoá.
- Từ 11/1988 - 06/1992: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty mía đường I, Phó Bí thư Đảng uỷ, Giám đốc Nhà máy đường Lam Sơn.
- Từ 07/1992 - 12/1999: Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty mía đường I, Chủ tịch Hiệp hội mía đường Lam Sơn, Phó bí thư, Bí thư Đảng uỷ, Giám đốc Công ty Đường Lam Sơn.
- Từ năm 2000 - 2007: Chủ tịch Hiệp hội Mía Đường Việt Nam.
- Từ năm 2000 - 04/2011: Chủ tịch Hiệp hội Mía Đường Lam Sơn, Phó bí thư Đảng ủy, Tổng Giám đốc, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần mía đường Lam Sơn.
- Từ 05/2011 đến nay: Chủ tịch Hiệp hội mía đường Lam Sơn, Chủ tịch HĐQT Công ty CP mía đường Lam Sơn.
- Đại biểu Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam Khóa IX (1992-1997) và Khóa X(1997-2002)

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Bà LÊ THỊ TIẾN
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC HĐQT

2. Bà Lê Thị Tiến - Phó Chủ tịch thường trực HĐQT

Ngày sinh: 11/10/1968

Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán - Thạc sỹ kinh tế

Quá trình công tác

- Tháng 12/1989: Tốt nghiệp ĐH về công tác tại Công ty đường Lam Sơn.
- Từ 12/1989 - 8/1995: Nhân viên phòng TCKT
- 8/1995 - 8/2001: Phó Phòng tài chính kế toán.
- Từ 08/2001 - 07/2006: Kế toán trưởng Công ty, Trưởng phòng Tài chính Kế toán, thành viên Hội đồng quản trị khóa II - Công ty CP mía đường Lam Sơn.
- Từ 07/2006 - 04/2011: Trưởng Ban kiểm soát Công ty.
- Từ 5/2011 đến nay: Phó Chủ tịch thường trực HĐQT, Phó Bí Thư Đảng uỷ Công ty.

Ông PHÙNG THANH HẢI
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

3. Ông Phùng Thanh Hải - Thành viên HĐQT

Ngày sinh: 22/11/1965

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác

- Từ tháng 10/1986 - 6/1996: Nhân viên phòng kế toán- Công ty đường Lam Sơn
- Từ tháng 7/1996 đến nay: Kế toán trưởng - Hiệp hội mía đường Lam Sơn
- Từ tháng 7/2003 đến tháng 4/2011: Kiểm soát viên- Ban kiểm soát Công ty CPMĐ Lam Sơn nhiệm kỳ II và III
- Từ tháng 7/2013 đến nay là Bí thư Chi bộ VP thường trực- Hiệp hội MĐ Lam Sơn
- Từ 28/4/2014: Thành viên HĐQT Công ty CP mía đường Lam Sơn.
- Từ tháng 6/2014: Thành viên HĐQT – Phó Chủ tịch Tịch Hiệp hội mía đường Lam Sơn

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Ông LÊ TRỌNG BÀI
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

4. Ông Lê Trọng Bài - Thành viên HĐQT

Ngày sinh: 22/12/1951

Trình độ chuyên môn: Tiến Sỹ toán tin

Quá trình công tác

- Từ 1974-1986: Công tác tại Tổng Cục thống kê Trung Ương
- Từ 1987-1992: Nghiên cứu sinh Trường Đại học TU Dresden, Cộng hòa Liên Bang Đức
- Từ 1992-2000: Thực tập sinh và làm việc tại một số doanh nghiệp ở Đức
- Từ tháng 7/2001 - 9/2003: Tổng giám đốc, chủ tịch HĐQT Công ty CP IT-JSC,
- Từ 2003-2013: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Việt Hưng
- Từ 2005-2013: Hiệu trưởng Trường VICET Thanh Hóa
- Từ 1/12/2013 đến nay là Giám đốc Văn phòng xúc tiến hợp tác LASUCO-GIZEF tại Thành phố Thanh Hóa
- Từ 28/4/2014: Thành viên HĐQT Công ty CP mía đường Lam Sơn.

Ông LÊ ĐÌNH TRƯỜNG
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

5. Ông Lê Đình Trường - Thành viên HĐQT

Ngày sinh: 31/3/1980

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, ngành Tài chính ngân hàng

Quá trình công tác

- Từ 07/2004 đến 07/2009: Kế toán viên - Phòng TCKT Công ty CP mía đường Lam Sơn
- Từ 08/2009 đến 04/2011: Quyền Trưởng bộ phận chứng khoán – Sàn giao dịch FPT chi nhánh Thanh Hóa.
- Từ tháng 4/2011 đến 12/2012: Kế toán trưởng, Trưởng phòng TCKT Công ty CP Rượu Việt Nam -Thụy Điển
- Tháng 1/2013 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty CP Rượu Việt Nam -Thụy Điển
- Từ 28/4/2014: Thành viên HĐQT Công ty CP mía đường Lam Sơn.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

IV. GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT

1. Ông Lê Văn Quang - Trưởng Ban kiểm soát

Ngày sinh: 02/06/1979

Trình độ: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- Từ 2001 - 07/2006: Kế toán viên Công ty CP mía đường Lam Sơn.
- Từ 07/2006 -4/2011: Kiểm soát viên Công ty.
- Từ 5/2011 đến nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty.

2. Ông Đỗ Văn Mạnh - Thành viên Ban kiểm soát

Ngày sinh: 03/09/1959

Trình độ: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- Từ 5/1978- 5/1982: Tham gia quân đội
- Từ 1982 -1989: Cán bộ Phòng vật tư Nhà máy đường Lam Sơn
- Từ 1990 - 12/1999: Kế toán viên Công ty Đường Lam Sơn.
- Từ 1/2000 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát của Công ty.

3. Bà Lê Thị Tình - Thành viên Ban kiểm soát

Ngày sinh: 26/03/1970

Trình độ: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- Từ 02/1992 - 10/1996: Thống kê, kế toán của Đoàn vận tải Công ty đường Lam Sơn.
- Từ 10/1996 - 08/2006: Trưởng bộ phận kế toán của Nhà máy Cồn số I.
- Từ 08/2006 -11/2007: Trưởng bộ phận kế toán - Nhà máy Đường số II.
- Từ 11/2007 -4/2011:Cán bộ Phòng TCKT Công ty.
- Từ 5/2011 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát của Công ty CP mía đường Lam Sơn.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

V. GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

Ông LÊ VĂN PHƯƠNG
TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Ông Lê Văn Phương - Tổng giám đốc

Ngày sinh: 05/11/1977

Trình độ: Cử nhân CĐ Công nghệ thực phẩm

Cử nhân Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- Từ 01/1999 đến 01/2005: Nhân viên Phòng kiểm soát chất lượng và môi trường.
- Từ 02/2005 đến 10/2007: Nhân viên Phòng công nghệ thông tin.
- Từ 11/2007 đến 07/2008: Trưởng phòng Kiểm soát chất lượng và môi trường;
- Từ 08/2008 đến 08/2009: Trưởng phòng Kiểm soát chất lượng và môi trường, Trưởng phòng công nghệ thông tin.
- Từ 09/2009 đến 05/2014: Trưởng phòng Kiểm soát chất lượng và môi trường.
- Từ 06/2014 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

2. Ông Lê Bá Chiều - Phó Tổng giám đốc nguyên liệu

Ngày sinh: 10/04/1976

Trình độ: Kỹ Sư Nông Nghiệp

Quá trình công tác:

- Từ 12/10/1998-24/8/2001: Nhân viên Phòng Nguyên liệu Công ty CP mía đường Lam Sơn.
- Từ 25/8/2001-16/9/2003: Nhân viên kế toán - Xí nghiệp sản phẩm mới.
- Từ 17/9/2003 – 23/12/2003: Nhân viên xí nghiệp nguyên liệu và Dịch vụ Vận tải
- Từ 24/12/2003- 15/5/2009: Nhân viên phòng Kế hoạch đầu tư.
- Từ 16/5/2009- 21/11/2009 : Cán bộ trường Cao đẳng nghề Lam Kinh
- Từ 22/11/2009- 28/2/2011: Phó phòng Nguyên liệu – Công ty CP mía đường Lam Sơn.
- Từ 1/3/2011 – 29/5/2014 : Giám đốc Công ty CPĐTPT Lam Sơn – Bá Thước.
- Từ 30/5/2014 đến nay: Phó tổng giám đốc phụ trách Nguyên liệu mía - Công ty Cổ phần mía đường Lam Sơn.

3. Ông Nguyễn Duy Thành - Phó Tổng giám đốc sản xuất

Ngày sinh: 01/05/1968

Trình độ: Kỹ Sư Cơ Khí

Quá trình công tác:

- Từ 10/1992 đến 09/1994: Công ty thuốc lá Thanh Hoá.
- Từ 10/1994 đến 08/2000: Cán bộ Kỹ thuật Công ty đường Lam Sơn
- Từ 09/2000 đến 07/2006: Phó giám đốc Nhà máy đường số 1, Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn
- Từ 08/2006 đến 04/2011: Giám đốc Nhà máy đường số 1.
- Từ 05/2011 đến 04/2014: Ban dự án nâng cấp Nhà máy đường 2, Phụ trách bộ phận cơ khí.
- Từ 06/2013 đến 05/2014: Trưởng phòng Kỹ thuật
- Từ 05/2014 đến nay: Phó Tổng giám đốc, Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

4. Bà Lê Thị Huệ - Kế toán trưởng

Ngày tháng năm sinh: 28/8/1971

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Thạc sỹ Quản trị KD

Quá trình công tác:

- Từ 11/1993 - 9/2003: nhân viên phòng TCKT C.Ty CP mía đường Lam Sơn.
- Từ 10/2003 - 7/2006: Phó phòng TCKT Công ty.
- Từ 8/2006 - nay: Kế toán trưởng, Trưởng phòng TCKT Công ty

VI. NHỮNG THAY ĐỔI TRONG HĐQT – BAN ĐIỀU HÀNH

1. Thay đổi nhân sự HĐQT:

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ IV giai đoạn 2011-2015 gồm 5 thành viên: ông Lê Văn Tam, bà Lê Thị Tiến, ông Lê Thanh Tùng, ông Trịnh Ngọc Long và ông Hà Đức Chính. Tháng 2/2014, ông Trịnh Ngọc Long có đơn xin thôi làm thành viên HĐQT.

Tại Đại hội đồng cổ đông năm 2014, ngày 28 tháng 04 năm 2014, HĐQT đã có tờ trình để nghị Đại hội thông qua việc miễn nhiệm các thành viên hội đồng quản trị đương nhiệm; đồng thời bầu lại Hội đồng quản trị mới để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ nhiệm kỳ 2011-2015.

Đại hội đã bầu HĐQT gồm 5 thành viên. Ngoài hai thành viên được bầu lại là ông Lê Văn Tam và bà Lê Thị Tiến, 3 thành viên được bầu mới là: ông Phùng Thanh Hải, ông Lê Trọng Bài và ông Lê Đình Trường.

2. Thay đổi nhân sự Ban điều hành:

Ngày 30 tháng 05 năm 2014, Hội đồng quản trị đã có nghị quyết số 33 NQ/ĐLS-HĐQT kiện toàn bộ máy tổ chức, nhận sự cấp cao trong Ban điều hành.

Hội đồng quản trị đã miễn nhiệm các chức danh trong Tổng Ban giám đốc kể từ ngày 30/05/2014 gồm:

- Ông Lê Văn Thanh Tổng Giám đốc
- Ông Lê Thanh Tùng Phó Tổng giám đốc
- Ông Đặng Thế Giang Phó Tổng giám đốc
- Ông Trần Quốc Vinh Phó Tổng giám đốc

Đồng thời bổ nhiệm Ban Tổng giám đốc và tái bổ nhiệm Kế toán trưởng gồm:

- Ông Lê Văn Phương Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Duy Thành Phó Tổng giám đốc
- Ông Lê Bá Chiều Phó Tổng giám đốc
- Bà Lê Thị Huệ Kế toán trưởng

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG TY

CÁC RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

- Ngành Mía đường là ngành thực phẩm thiết yếu, phục vụ đa dạng các nhu cầu sử dụng như ăn uống, nước giải khát, thực phẩm, dược phẩm và năng lượng. Do đó, tác động từ nền kinh tế tăng trưởng ổn định sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của ngành nói chung và khả năng tiêu thụ các sản phẩm từ đường nói riêng. Kinh tế Việt Nam 2014 đã có sự hồi phục hồi nhẹ nhưng vẫn hết sức khó khăn, tăng trưởng GDP chỉ đạt 5,4%, chỉ số giá tiêu dùng CPI thấp nhất trong 13 năm trở lại đây, với mức tăng 1,84% v..v... cho thấy nhu cầu tiêu dùng nội địa còn hạn chế. Tuy nhiên, đối tượng khách hàng chính của LASUCO là các tổ chức lớn như (Pepsi, Coca Cola, Vinamilk, ULC, v..v...) với các hợp đồng khung đã được ký kết sẵn nên phần lớn đã đảm bảo đầu ra đối với sản phẩm.

Mặt khác hiện tại chỉ đơn điệu sản phẩm đường, cạnh đường, sau đường và những mặt hàng có lợi thế, có thị trường lớn giá trị cao chưa được đầu tư phát triển. Khi thị trường đường khó khăn cung cầu sẽ gặp rủi ro lớn.

2. Rủi ro về tỷ giá hối đoái

- Sự biến động bất lợi về tỷ giá ngoại hối có thể dẫn đến tăng giá thành các nguồn nguyên liệu đầu vào hoặc giá bán các thành phẩm. Nguồn nguyên liệu, vật liệu đầu vào của LASUCO không chịu ảnh hưởng nhiều của tỉ giá ngoại tệ. Tuy nhiên tỷ giá đồng USD đang có xu hướng tăng gây ảnh hưởng đến chủ trương nhập khẩu đường thô cho tinh luyện.

3. Rủi ro về nguyên liệu và vùng nguyên liệu

- Diện tích trồng mía đang dần bị thu hẹp do quy hoạch cho các Khu đô thị và công nghiệp... số còn lại quy mô nhỏ manh muốn. Trở ngại lớn cho cơ giới hóa đồng bộ, thâm canh tăng năng suất, giá thành sản xuất nguyên liệu cao, thu nhập của người trồng mía thấp.

- Cuộc chiến về đất đai trồng mía giờ đây càng diễn ra phức tạp, do các tập đoàn bất động sản đang chuyển vốn đầu tư vào nông nghiệp càng gây tâm lý ngóng đợi, người dân không yên tâm đầu tư, trồng và chăm sóc mía. Trong khi đó giá đường còn giảm thấp cũng là những rủi ro không nhỏ.

4. Rủi ro về pháp luật

- Rủi ro luật pháp là rủi ro mang tính hệ thống: Ngành sản xuất kinh doanh mía đường đến nay vẫn chưa có một nghị định của chính phủ quy định rõ định hướng và thể chế cho ngành sản xuất kinh doanh mía đường. Ngay cả quản lý nhà nước cũng chưa có đầu mối thống nhất, tập trung chỉ đạo, lãnh đạo từ Trung ương đến địa phương về chiến lược phát triển, quy hoạch ngành, quy hoạch vùng còn mâu thuẫn, thiếu tính đồng bộ và định hướng dài hạn gây ảnh hưởng đến chiến lược phát triển của doanh nghiệp.

- Theo Hiệp định thuế quan ưu đãi (CEPT/AFTA), kể từ năm 2018, đường từ các nước trong khối ASEAN sẽ không còn bị hạn chế nhập khẩu vào Việt Nam. Sản phẩm đường từ các nước trong khu vực sẽ được nhập khẩu chính thống và tạo ra sự cạnh tranh sống còn đối với các doanh nghiệp trong nước.

5. Rủi ro khác

- Một số rủi ro bất khả kháng như thời tiết khắc nghiệt, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh, hỏa hoạn… bởi sản xuất kinh doanh của ngành mía đường 80% giá thành sản phẩm đường, sản xuất là nguyên liệu trong điều kiện biến đổi khí hậu, lũ lụt hạn hán thường xảy ra sẽ gây ảnh hưởng lớn đến sản lượng nguyên liệu đầu vào và hoạt động sản xuất của Công ty.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG TY

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

- Phát triển Lasuco thành ***doanh nghiệp xanh bền vững,*** với ngành nghề cốt lõi là: Mía đường - Cồn - Điện - Các sản phẩm cạnh đường và sau đường. Đồng thời đẩy mạnh đầu tư bổ sung định hướng phát triển Công nghệ cao, công nghệ mới; Liên kết, hợp tác đầu tư với nông dân, các nhà khoa học, các đối tác trong và ngoài nước nâng cao hiệu quả sản xuất chế biến mía đường, đồng thời phát triển mạnh các cây trồng mới, sản phẩm mới: Rau, quả thực phẩm hữu cơ; Chế biến, bảo quản, xuất khẩu; Nâng cao giá trị gia tăng, nâng cao đời sống việc làm cho người lao động trong doanh nghiệp và nông dân, đảm bảo hài hòa các mối quan hệ lợi ích, luôn thực hiện tốt trách nhiệm với xã hội và môi trường, góp phần phát triển kinh tế địa phương và cộng đồng.
- Phát triển vững chắc công tác thương mại, đẩy mạnh chương trình nhập khẩu, xuất khẩu có hiệu quả. Đáp ứng nhu cầu trong nước, hướng mạnh thị trường nước ngoài.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN 2015 - 2020

1. Mục tiêu chiến lược

Tiếp tục phát triển các ngành nghề kinh doanh cốt lõi là Mía - Đường - Cồn - Điện; Gia tăng giá trị các sản phẩm cạnh đường và phụ phẩm khác từ mía đường; Tập trung đầu tư vào các sản phẩm nông, công nghiệp theo hướng khoa học công nghệ cao. Mục tiêu tăng trưởng từ 20%/năm trở lên. Giai đoạn 2015 - 2020, tầm nhìn 2025 ưu tiên hoàn thành các mục tiêu chiến lược sau:

- ***Doanh thu:*** Năm 2015 đạt 1.800 tỷ đồng, đến năm 2020 đạt ít nhất 5.000 tỷ đồng gấp 2,5 lần/2014 và đến năm 2025 đạt ít nhất 10.000 tỷ đồng với chất lượng, hiệu quả cao nhất.
- ***Lợi nhuận:*** Phấn đấu đạt ít nhất 8 - 10% trên doanh thu.
- ***Cổ đông, Nhà đầu tư:*** Phấn đấu mức chia cổ tức hàng năm 12 - 15%.
- ***Khách hàng:*** thỏa mãn khách hàng về chất lượng sản phẩm, an toàn vệ sinh thực phẩm, giá cả hợp lý và dịch vụ tốt nhất.
- ***Quản trị doanh nghiệp:*** Trở thành doanh nghiệp có cơ cấu, quản trị điều hành chuyên nghiệp (Áp dụng phần mềm ERP, Hệ thống quản lý chất lượng ISO tiên tiến, thực hiện quản trị điều hành đáp ứng yêu cầu của Công ty niêm yết minh bạch, công khai).
- ***Người lao động:*** Trở thành một doanh nghiệp có môi trường làm việc mà tại đó cán bộ nhân viên có thể phát huy tốt nhất khả năng, năng động – sáng tạo, đóng góp vào thành tựu chung.

2. Một số chỉ tiêu chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2015	2020	2025
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	700	1.500	2.500
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.800	5.000	10.000
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	100	500	1000
Nộp ngân sách	Tỷ đồng	90	250	500
EPS	Đồng/CP	1.337	2.600	3.120
Cổ tức	%	8	15-17	20
Thu nhập của người LĐ	1000đ/người/tháng	7.000	15.000	20.000
Tỉ suất lợi nhuận của nông dân	%	30	40	50
SL đường/ha mía	Tấn/ha	9	12	14

3. Các chương trình trọng tâm

3.1 Triển khai quyết liệt, kiên định Chương trình ***"Làm mới cây mía và hạt đường Lam Sơn" một cách đồng bộ và toàn diện, đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả cao.*** Đây là chương trình trọng điểm, cốt lõi xuyên suốt thời kỳ từ nay đến năm 2025 và cũng chính là tổ chức sản xuất, xây dựng Thương hiệu mía - đường xứ Thanh.

*** Làm mới lại cây mía**

- Mục tiêu đến năm 2020: Diện tích mía ổn định 16.000 ha, trong đó đầu tư thâm canh được 12.000 ha; từng bước xây dựng hình thành những hộ có từ 3 ha trở lên và đạt bình quân 5 ha/hộ. Năng suất bình quân >=90 tấn/ha trở lên; chất lượng mía >=12ccs. Người trồng mía đạt tỷ suất lợi nhuận >=40%.

- ***Giải pháp chủ đạo:*** rà soát xét lại diện tích đất đai, định vị lại cho từng vùng theo xã, huyện, theo xí nghiệp. Hợp tác với địa phương động viên nông dân quy hoạch lại, phải tạo ra những ruộng mía lớn từ 50-100 ha/ruộng mía liền vùng, liền khoảnh để tổ chức lại sản xuất; Tiếp tục triển khai công tác điều tra, phân tích nông hóa thổ nhưỡng định kỳ; xây dựng lại bản đồ nông hóa thổ nhưỡng. Triển khai cải tạo bồi dưỡng trả lại độ phì nhiêu cho đất; nghiên cứu và ứng dụng công nghệ mới sản xuất phân bón hữu cơ; Triển khai mạnh mẽ cơ giới hóa đồng bộ từ khâu làm đất, trồng mới, chăm sóc, thu hoạch. Rà soát và tiếp tục tiết giảm chi phí sản xuất mía nguyên liệu. Xây dựng một phương án mới về tưới nước, về hệ thống nước tưới đảm bảo đủ điều kiện tưới tiêu trong điều kiện thời tiết khô hạn.

Tiếp tục triển khai nghiên cứu khảo nghiệm sản xuất các giống mía có năng suất, chất lượng cao và sạch bệnh theo ***"Đề án nhân nuôi cấy mô sản xuất giống theo phương pháp công nghệ cao quy mô công nghiệp"*** đã được Bộ Nông nghiệp PTNT và Bộ Khoa học công nghệ thống nhất.

*** Làm mới lại hạt đường**

- Mục tiêu đến năm 2020: phải đạt từ 12 tấn đường/ha mía trở lên. Tỷ lệ mía/đường <=8. Giá thành sản xuất đường đảm bảo cạnh tranh; cơ cấu sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường theo hướng ưu tiên giá trị gia tăng cao và bền vững.

Giải pháp: khai thác có hiệu quả thiết bị, công nghệ để điều chỉnh tiết kiệm hơi, tận dụng tối đa cho sản xuất đường tinh luyện và luyện đường thô. Từ năm 2015 hoàn thành dứt điểm các hạng mục nâng cấp giai đoạn 2 lên 100% đường tinh luyện và nâng cao công suất đồng phát điện (cả trong và ngoài vụ). Từ năm 2016 trở đi phải đạt sản lượng từ 150.000 tấn đường trở lên và hòa lưới quốc gia 100 triệu Kwh điện.

3.2. Sản xuất cồn

Khôi phục sản xuất Nhà máy Cồn với công nghệ mới, sản xuất thêm dòng sản phẩm mới có giá trị kinh tế cao, đảm bảo môi trường sạch sớm đưa vào sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, từ năm 2016 mỗi năm sản xuất 15 - 20 triệu lít cồn đạt doanh thu từ 200 -300 tỷ đồng/năm.

3.3. Tập trung Dự án Nông nghiệp Công nghệ cao Lam Sơn

Đây là chương trình cửa ngõ, là bệ phóng cho LASUCO đi lên, là trung tâm cấp giống mía, các cây quả, hoa, rau có giá trị kinh tế cao cho phía Bắc, là Trung tâm chuyển giao công nghệ xây dựng vùng mía đường Lam Sơn trở thành một vùng nông nghiệp công nghệ cao và là đầu mối hợp tác phát triển sản xuất, tiêu thụ thực phẩm sạch, an toàn. Tập trung sản xuất giống mía bằng CNC, quy mô công nghiệp phấn đấu từ 3-5 năm có đủ giống mía có năng suất cao, chất lượng tốt, sạch bệnh, đưa năng suất toàn vùng đạt 80-100 tấn/ha, 11CCS trở lên.

Năm 2015, hoàn thành nhà kính, khu nhân giống và khu ngoài trời 13 ha, đưa vào sản xuất để quý IV có sản lượng lớn thực phẩm sạch cung cấp cho Người tiêu dùng. Đồng thời có kế hoạch, phương án, tiếp nhận Khu NNCNC Sao Vàng từ 800 - 1000 ha do Tỉnh giao làm Chủ đầu tư.

3.4. Xây dựng và phát triển vùng Cam chất lượng cao gắn với các cơ sở chế biến công nghiệp và xuất khẩu.

3.5 Phát triển năng lượng tái tạo từ các sản phẩm phụ của cây mía đường và các nguồn phế thải từ nông, lâm nghiệp.

KẾ HOẠCH NĂM 2015, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Mục tiêu tổng quát

Năm 2015 – Hành động thiết thực – Đổi mới đồng bộ và toàn diện sản xuất mía đường theo hướng: Tập trung củng cố và phát huy có hiệu quả hợp tác liên kết sâu, bền vững với các địa phương và Người trồng mía, thâm canh cao, hạ giá thành mía, xây dựng cánh đồng lớn cơ giới hóa đồng bộ, sử dụng phân bón, giống mới công nghệ cao quy mô công nghiệp, xây dựng lại vùng mía bền vững đảm bảo nguồn nguyên liệu đủ công suất cho 2 Nhà máy, không ngừng nâng cao hiệu quả của sản xuất mía đường;

Đầu tư nâng cao chất lượng & tăng hiệu suất tổng thu hồi của sản phẩm chính là đường, cồn, điện đồng thời đầu tư khai thác nâng cao giá trị của sản phẩm cạnh đường, từ phế thải của mía đường tạo các sản phẩm mới có giá trị gia tăng cao (năng lượng tái tạo, năng lượng sinh học, phân bón hữu cơ…);

Nghiên cứu bổ sung định hướng SXKD nâng cao sức cạnh tranh và hội nhập cho giai đoạn tới; triển khai du nhập khảo nghiệm một số cây trồng rau, hoa, quả, thực phẩm sạch có giá trị cao, có thị trường lớn. Đồng thời khẩn trương chuẩn bị điều kiện hướng tới xuất khẩu, hội nhập;

Chuẩn bị tốt các điều kiện tiếp quản khu sản xuất NNCNC tại Sao Vàng do UBND Tỉnh cấp phép & chuyển giao.

2. Mục tiêu kế hoạch năm 2015, một số chỉ tiêu chính

Doanh thu có VAT 1.800 tỷ đồng, tăng 11% so với năm 2014;
Lợi nhuận trước thuế: 100 tỷ đồng, tăng 43 % ;
Cổ tức 8 % tăng 33% ; Nộp ngân sách: 90 tỷ đồng tăng 19%.

3. Nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm

3.1. Tập trung cao cho công tác nguyên liệu

- Mục tiêu vụ 2015-2016 đạt một triệu tấn mía, từ 10 CCS trở lên. Trọng tâm cần tập trung các giải pháp để thâm canh tăng năng suất, chất lượng.
- Xúc tiến rà soát, bổ sung và điều chỉnh diện tích vùng nguyên liệu mía theo hướng tập trung, xây dựng cánh đồng lớn, cơ giới hóa đồng bộ, ứng dụng công nghệ cao.
- Xây dựng và củng cố hệ thống tổ chức Hiệp hội mía đường Lam Sơn liên kết hợp tác cùng địa phương xây dựng và tổ chức lại người trồng mía có quy mô từ 1 ha trở lên, phát huy hiệu quả mới liên kết hợp tác bền vững ***"Cùng Nông dân làm giàu".***
- Thực hiện đồng bộ 5 giải pháp lớn trong chương trình "Làm mới lại cây mía và hạt đường Lam Sơn" với các kế hoạch và chỉ tiêu cụ thể cho từng địa bàn.
- Chú trọng chỉ đạo thực hiện thành công từ 35 mô hình trình diễn ứng dụng đồng bộ Công nghệ cao thâm canh đạt năng suất từ 100 tấn/ha trở lên và chuẩn bị các điều kiện để mở rộng ra cho các năm tới.
- Tập trung sản xuất giống mía bằng CNC, quy mô công nghiệp phấn đấu từ 3-5 năm có đủ giống mía có năng suất cao, chất lượng tốt, sạch bệnh, đưa năng suất toàn vùng đạt 80-100 tấn/ha, 11CCS trở lên.

3.2. Về công nghiệp chế biến

- Rà soát sắp xếp tổ chức lại lực lượng kỹ thuật, xây dựng và thực hiện nghiêm các quy trình, quy phạm kỹ thuật, nâng cao trách nhiệm.
- Khai thác có hiệu quả hệ thống thiết bị và công nghệ đã đầu tư, đồng thời hoàn thành dứt điểm các hạng mục nâng cấp giai đoạn 2 lên 100% đường tinh luyện và nâng cao công suất đồng phát điện (cả trong và ngoài vụ).
- Khôi phục sản xuất Nhà máy Cồn với công nghệ mới, sản xuất thêm dòng sản phẩm mới có giá trị kinh tế cao, đảm bảo môi trường sạch sớm đưa vào sản xuất.

3.3. Về tổ chức bộ máy quản lý

- Rà soát, bổ sung hệ thống quy chế quản trị quản lý của Công ty mẹ và các công ty thành viên bằng giải pháp ERP: từ khâu giao kế hoạch, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch gắn với đánh giá năng lực cán bộ quản lý.
- Tiếp tục chọn lọc và tinh giản lao động gọn nhẹ và tinh nhuệ hơn. Xây dựng lại cơ chế tiền lương, tiền thưởng gắn với kết quả công việc và theo hướng tôn vinh sáng tạo.
- Coi trọng và tổ chức tốt công tác kiểm tra giám sát, đánh giá công tác triển khai NQ ĐHĐCĐ, HĐQT, các chương trình, dự án đã đề ra, các quy định của Công ty.
- Xây dựng hệ thống quan hệ nhà đầu tư theo hướng chuyên nghiệp & thường xuyên nhằm hỗ trợ quảng bá hình ảnh Doanh nghiệp đồng thời nâng cao trách nhiệm với các cổ đông.

3.4. Công tác thị trường thương mại

- Đặc biệt quan tâm đầu tư cho khâu thương mại thị trường, củng cố bộ máy tổ chức và nhân sự, rà soát, sửa đổi cơ chế chính sách phù hợp. Giữ vững thị trường truyền thống, nghiên cứu và quan tâm đến phát triển xuất nhập khẩu. Đạt mục tiêu nhập khẩu từ 15 - 20 ngàn tấn đường thô và đường vàng cho tinh luyện. Đồng thời, tích cực triển khai kênh bán lẻ gắn với xây dựng Bộ nhận dạng Thương hiệu LASUCO. Tập trung phát huy quan hệ hợp tác quốc tế, sẵn sàng hội nhập sâu rộng.

3.5. Phát huy sức mạnh của các hệ thống chính trị

HĐQT, Ban Tổng giám đốc, phối hợp chặt chẽ với Hệ thống chính trị lãnh đạo CBCNV khơi dậy tinh thần "HỢP TÁC - NĂNG ĐỘNG - SÁNG TẠO - CHẤT LƯỢNG - HIỆU QUẢ". Đồng thời, hợp tác với Người trồng mía đổi mới và nâng cao vị thế, vai trò trách nhiệm của Hiệp hội mía đường Lam Sơn thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Công ty năm 2015

4. Kế hoạch đầu tư các dự án năm 2015

4.1. Tập trung cao, hoàn thiện đưa vào sản xuất kinh doanh, phát huy hiệu quả đầu tư các Dự án dở dang của năm 2014 chuyển tiếp sang 2015:

- Dự án đầu tư khai thác tối ưu năng lực phát điện, tiết kiệm năng lượng nâng cao tỷ lệ đường tinh luyện Nhà máy đường 2.
- Dự án xây dựng 5ha nhà kính, 0,32 ha vườn ươm và 10ha cánh đồng mở với Netafilm.
- Tiếp nhận và xây dựng kế hoạch đầu tư khai thác sử dụng 1.000ha Dự án Nông nghiệp công nghệ cao Lam Sơn – Sao Vàng do Sở NN&PTNT lập trình UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt.

4.2. Đầu tư mới năm 2015:

- Dự án đầu tư ứng dụng công nghệ cao khôi phục sản xuất Nhà máy cồn thực phẩm, xử lý triệt để môi trường; Tổng mức đầu tư 160 tỷ đồng và giải ngân 80 tỷ đồng từ nguồn vốn vay thương mại, quỹ đầu tư phát triển và quỹ môi trường Việt Nam.

4.3. Khảo sát lập báo cáo tiền khả thi trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 các Dự án, dự kiến vốn đầu tư 20-25 tỷ đồng:

- Tái cơ cấu đầu tư vùng mía Lam Sơn giai đoạn 2016-2020 tầm nhìn 2030 từ 13.000-15.000 ha.
- Quy hoạch đầu tư xây dựng vùng mía Bá Thước, Lang Chánh, Cẩm Thủy giai đoạn 2016 – 2020 tầm nhìn 2030 từ 6.000 – 8.000 ha gắn với báo cáo tiền khả thi để di chuyển Nhà máy đường số 1.
- Nghiên cứu điều tra và trình phê duyệt Quy hoạch vùng Cam vàng Xứ Thanh xuất khẩu gắn với đầu tư xây dựng Nhà máy bảo quản đóng gói và chế biến nước hoa quả đóng hộp.

THÔNG TIN VỀ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÀI CHÍNH

I. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2013	Năm 2014		So sánh thực hiện 2014	
			Kế hoạch	Thực hiện	TH 2013	KH 2014
Doanh thu có thuế	1.000 đ	1.611.740.761	1.615.000.000	1.618.718.929	101%	100.2%
Doanh thu thuần	1.000 đ	1.529.629.975	1.538.095.000	1.541.459.527	101%	100.2%
Lợi nhuận trước thuế	1.000 đ	52.172.847	55.000.000	69.877.757	134%	127%
Lợi nhuận sau thuế	1.000 đ	39.438.813	42.900.000	54.295.594	138%	126%
Cổ tức	%	5,5	5,5	6	109	109
Nộp ngân sách	1.000 đ	79.429.649	70.000.000	75.445.789	95%	107.7%

Doanh thu thuần tăng nhẹ so với kế hoạch năm 2014, bằng 101% so với năm 2013 do những khó khăn chung của ngành đường trong nước, giá bán giảm.

LASUCO đã có những nỗ lực trong việc kiểm soát giá vốn hàng bán và chi phí lãi vay (giảm tương ứng 4% và 33% so với cùng kỳ năm trước) nên lợi nhuận trước và sau thuế vẫn đạt mức tăng trưởng so với năm 2013 và kế hoạch năm 2014. Nộp Ngân sách nhà nước tăng 7,7% so với kế hoạch.

Tuy doanh thu thuần tăng nhẹ so với năm 2013 và kế hoạch năm 2014. Sự tức thời của ban lãnh đạo LASUCO trong việc chuyển đổi tỷ lệ cơ cấu sản lượng đường RE đã tăng từ 50% lên 80% do giá đường RE cao hơn nhiều so với đường RS, đã đảm bảo doanh thu ổn định trong bối cảnh khó khăn chung của ngành chưa được cải thiện. Các khoản chi phí lớn như giá vốn hàng bán, chi phí lãi vay đã được quản lý và giảm bớt đáng kể nên lợi nhuận trước và sau thuế vẫn tăng trưởng ở mức tương ứng là 33% và 38%

II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH THÔNG QUA CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014
1. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Lợi nhuận gộp biên	%	11,50	11,87
+ Lợi nhuận hoạt động biên	%	3,44	4,54
+ Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Doanh thu thuần	%	3,39	4,51
+ Lợi nhuận thuần biên sau thuế	%	2,58	3,52
+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	1,44	2,52
+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	3,12	3,70
2. Chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	Lần	6,35	11,3
+ Vòng quay các khoản phải thu	Lần	4,33	5,11
+ Hiệu suất sử dụng vốn chủ sở hữu	Lần	1,21	1,12
+ Hiệu suất sử dụng tài sản cố định	Lần	1,15	1,17
3. Cơ cấu nguồn vốn			
+ Nợ phải trả/Tổng tài sản	Lần	0,35	0,32
+ Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,54	0,46
+ Chỉ số đòn bẩy (Tổng Tài sản/Vốn chủ sở hữu)	Lần	1,54	1,47
4. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán hiện hành	Lần	1,14	1,14
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,60	0,91
+ Khả năng trả lãi vay (Dựa trên lợi nhuận)	Lần	1,77	2,53

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời trong 2 năm 2013, 2014 được cải thiện một phần do nỗ lực quản lý, tiết giảm chi phí từ phía doanh nghiệp bên cạnh những khó khăn nội tại của ngành về đầu ra tiêu thụ, lượng đường tồn kho lớn, và vấn nạn về đường nhập lậu chưa được cải thiện.
Công ty cũng đẩy mạnh bán hàng nhằm giải phóng hàng tồn kho và thu hồi vốn nhanh, thể hiện qua các chỉ số về vòng quay hàng tồn kho và các khoản phải thu được cải thiện hơn so với năm 2013.

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ - THỰC HIỆN DỰ ÁN

Trong năm 2014, Lasuco tập trung cho các Dự án "Đầu tư xây dựng Khu nông nghiệp Công nghệ cao Lam Sơn" , Dự án "hoàn thiện công suất đường luyện", dự án "Đầu tư xây dựng nhà máy gạch Tuynel" và dự án " Xây dựng VP hiệp hội và VP cho thuê"

1. Dự án "Hoàn thiện công suất đường luyện"

Dự án được bắt đầu từ cuối tháng 4/2014 và hoàn thành đưa vào sử dụng tháng 12/2014 với giá trị quyết toán hoàn thành là 69,8 tỷ đồng.

Dự án hoàn thiện công suất đường luyện hoàn thành và đưa vào sử dụng sẽ nâng công suất sản xuất đường luyện từ 50% lên 80% phục vụ nhu cầu của thị trường.

2. Dự án "Đầu tư xây dựng Khu nông nghiệp Công nghệ cao Lam Sơn"

Mục tiêu của Dự án là: Quy hoạch và Xây dựng một Khu Nông nghiệp CNC Lam Sơn cấp khu vực đẳng cấp Quốc gia trên cơ sở hình thành Trung tâm Nông nghiệp CNC Bắc miền trung, nhằm mục đích nghiên cứu và chuyển giao nhanh tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất giống mía và một số giống cây lương thực và cây thực phẩm: rau, hoa, cây ăn quả. Áp dụng các quy trình công nghệ tiên tiến, hiện đại vào sản xuất nông nghiệp, tạo ra các sản phẩm có sức cạnh tranh cao trên thị trường nội địa và xuất khẩu dựa trên cơ sở phát huy lợi thế nguồn nhân lực và tài nguyên thiên nhiên kết hợp áp dụng thành tựu khoa học nông nghiệp tiên tiến, hiện đại.

Năm 2014 đã giải ngân cho Dự án là 42,45 tỷ đồng. Đây được xác định là Dự án trọng điểm, cần tập trung đầu tư của Lasuco trong năm 2015 và những năm tiếp theo.

3. Dự án " Đầu tư xây dựng nhà máy gạch Tuynel"

Dự án được bắt đầu từ năm 2011 và đang đưa vào sản xuất thử.

Năm 2014 đã giải ngân cho dự án 23.9 tỉ đồng.

4. Dự án " Xây dựng văn phòng hiệp hội và văn phòng cho thuê"

Dự án được triển khai từ tháng 8/2014. Tới tháng 12/2014 đã hoàn thành Văn phòng cho thuê, bàn giao cho Ngân hàng quân đội thuê và sử dụng. Tới nay, dự án đã giải ngân số tiền : 2.080.880.000 đồng.

(Nhân nuôi giống mía bằng công nghệ cao quy mô công nghiệp)

IV. NGUỒN NHÂN LỰC

Số lượng và độ tuổi lao động

Trong năm Công ty tiếp tục thực hiện chương trình tái cấu trúc tinh giản lao động đã giải quyết chế độ nghỉ hưu cho lao động đủ điều kiện. Tại thời điểm 31/12/2014, Công ty có 742 cán bộ công nhân viên, giảm 5,59 % so với năm 2013.

Về cơ cấu độ tuổi lao động: dưới 30 chiếm 12,9%, từ 30 tuổi đến dưới 40 tuổi chiếm 43,1 %, từ 41 đến dưới 50 tuổi chiếm 35,6%, từ 50 tuổi trở lên chiếm 8,4 %.

Cơ cấu này thể hiện công ty đang có nguồn nhân lực trẻ, cơ cấu vàng.

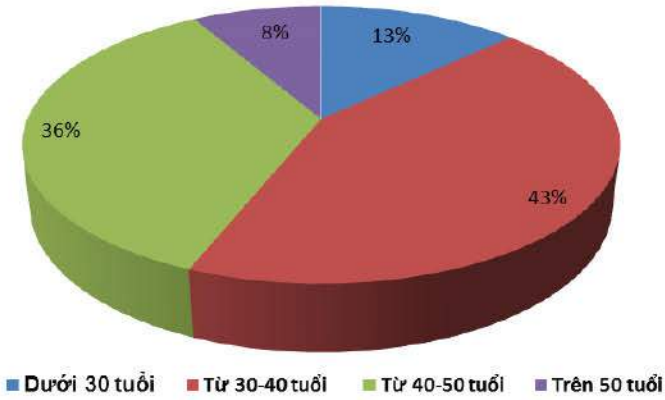

Chất lượng lao động

Lao động có trình độ trên đại học chiếm 1,62%; đại học chiếm 25,2%; cao đẳng chiếm 11,73 % ; Lao động có trình độ trung cấp và CNKT chiếm 53,77 %; lao động có trình độ sơ cấp và lao động phổ thông chiếm 7,68 % tổng số lao động.

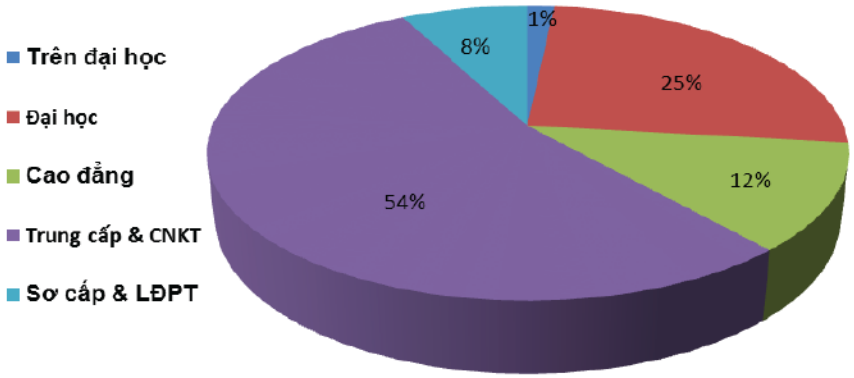

Công ty bảo đảm môi trường làm việc tốt cho người lao động như:

- Bảo đảm đủ ánh sáng, không khí, điều kiện vệ sinh nơi làm việc, đảm bảo chế độ an toàn lao động, vệ sinh lao động, trang bị bảo hộ.

- Đảm bảo chăm sóc y tế ban đầu cho người lao động, thực hiện tốt chế độ thai sản đối với người lao động nữ. Thực hiện quyền bình đẳng nam nữ trong mọi lĩnh vực. Người lao động được tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.

- Công ty luôn chú ý cải tiến, đổi mới trang bị, nâng cấp nhà xưởng…để cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động. Người lao động được đào tạo, được nâng cao tay nghề thích hợp với vị trí chức danh công việc.

Chính sách với người lao động.

Năm 2014, số lượng lao động ký hợp đồng dài hạn tiếp tục giảm, chính sách sử dụng lao động có nhiều thay đổi như: Giảm thiểu việc tuyển mới lao động dài hạn; tăng cường sử dụng lao động đã nghỉ hưu có sức khỏe, tay nghề cao trong vụ sản xuất và sử dụng lao động thời vụ nhằm tăng cường hiệu quả sử dụng lao động trong hoạt động SXKD của công ty.

Cán bộ quản lý, nghiệp vụ được điều động, luân chuyển thực hiện nhiệm vụ tại Các công ty con, công ty thành viên để tăng cường sự quản lý với các đơn vị.

Về chế độ tiền lương từ tháng 5/2014, Công ty thực hiện đánh giá kết quả công việc của từng người lao động và thanh toán lương theo tháng. Qua việc thay đổi chính sách thanh toán tiền lương đã khuyến khích người lao động chủ động trong công việc để hoàn thành nhiệm vụ.

Công ty luôn quan tâm đào tạo nâng cao trình độ: Thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo nội bộ nhằm nâng cao tay nghề cho người lao động, đặc biệt trước khi vào vụ sản xuất mới.

THÔNG TIN VỀ QUẢN TRỊ - ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Các phiên họp HĐQT, các quyết định của HĐQT

Từ Đại hội (28/4/2014) đến nay, HĐQT đã họp 4 phiên định kỳ mỗi quý một lần và các phiên bất thường để triển khai NQĐHĐCĐ, trong đó có 1 phiên họp ngày 28/4/2015 ngay sau Đại hội để bầu các chức danh và phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT; bổ nhiệm Thư ký Công ty. Phiên họp ngày 30/5/2014 kiện toàn lại bộ máy Ban điều hành, miễn nhiệm, bổ nhiệm mới Ban TGĐ điều hành và bổ nhiệm lại Kế toán trưởng. Tại các kỳ họp các thành viên HĐQT tham dự đầy đủ.

Nội dung các phiên họp định kỳ: đánh giá kết quả thực hiện NQ ĐHĐCĐ thường niên và NQHĐQT quý trước, đồng thời xác định kế hoạch, nhiệm vụ, của quý tới.

Trong năm HĐQT đã ban hành 23 nghị quyết. Trong đó, có 4 NQ kỳ họp định kỳ đánh giá hoạt động Quản trị, điều hành và kết quả SXKD của quý trước và xác định nhiệm vụ quý tiếp theo.

19 NQ quyết định các vấn đề: Kiện toàn nhân sự HĐQT, Ban TGĐ điều hành và cán bộ quản lý cấp trung; Chi trả cổ tức năm 2013, tạm ứng cổ tức 2014, chi trả lãi trái phiếu; Chuyển đổi trái phiếu, niêm yết bổ sung cổ phiếu; Thanh lý vốn đầu tư... Đầu tư các dự án; lựa chọn Công ty kiểm toán; Việc vay nợ ngân hàng; Việc thanh lý một số khoản đầu tư tài chính và cơ cấu lại vốn đầu tư tại các công ty thành viên...

Trong năm HĐQT ban hành 130 quyết định: triển khai các nghị quyết của HĐQT; Giao kế hoạch SXKD cho các đơn vị; Quyết định đào tạo, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ...; Quyết định phê duyệt các thủ tục đầu tư dự án và triển khai các dự án.

HĐQT cũng đã ban hành nhiều thông báo hỗ trợ, chấn chỉnh, tháo gỡ khó khăn để Ban TGĐ, các cán bộ quản lý thực thi các nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình đã đặt ra.

Thực hiện NQ ĐHĐCĐ 2014, HĐQT tập trung chỉ đạo cùng Ban điều hành tiếp tục hoàn thiện máy móc thiết bị, công nghệ NM Đường Số II; Chỉ đạo sát sao công tác quản trị tài chính và tranh thủ các nguồn vốn có lãi suất thấp; Phê duyệt kế hoạch và giám sát thực hiện kế hoạch tài chính;Thực hiện thoái vốn đầu tư tài chính ra ngoài; Đặc biệt đẩy mạnh quan hệ đối ngoại, gắn kết với lãnh đạo các địa phương, tranh thủ sự hỗ trợ của các ngành; quan tâm đặc biệt đến công tác đào tạo cán bộ quản lý.

Thường xuyên nắm bắt thông tin từ Ban điều hành đồng thời phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát có những chấn chỉnh về các công tác điều hành SXKD; Chỉ đạo Ban điều hành chuẩn bị các điều kiện vào vụ sản xuất đúng kế hoạch; Rà soát đánh giá tình hình thực hiện và khả năng thực hiện kế hoạch năm 2014 theo NQĐHĐCĐ và đưa ra các giải pháp kịp thời; Định hướng mục tiêu kế hoạch 2015 và những năm tiếp theo.

2. Kết quả giám sát Ban tổng giám đốc và các cán bộ quản lý

Ngày 30/5/2014 HĐQT đã kiện toàn và bổ nhiệm mới Ban tổng giám đốc và ngày 9/6/2014 bổ nhiệm và bổ nhiệm lại các chức danh cán bộ quản lý.

Ưu điểm: Ban điều hành đã bám sát Nghị quyết HĐQT, kế hoạch SXKD của Công ty phân công nhiệm vụ cụ thể, thực hiện khá tốt các quy định của pháp luật và của Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; Đã đề cao trách nhiệm cá nhân, năng động, chủ động hơn, tích cực hơn, bám sát SXKD. Trong công tác phối hợp với BKS để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát theo quy định. Hiệu quả hoạt động đã được thể hiện ở kết quả SXKD năm 2014 được đánh giá tại các báo cáo trình Đại hội. Công tác sản xuất, nguyên liệu đã có chuyển biến tốt, đặc biệt công tác thương mại, thị trường, xuất nhập khẩu đã có những tiến bộ vượt bậc.

Nhược điểm, hạn chế: Công tác điều hành còn hạn chế về kinh nghiệm xử lý các tình huống bất thường hoặc khó khăn trong SXKD; công tác nhân sự mặc dù đã được củng cố, đổi mới, tinh giản hơn, nhưng tư duy của cán bộ các cấp vẫn chưa theo kịp yêu cầu. Giữa phòng ban và đơn vị sản xuất phối hợp chưa liên tục, chặt chẽ.

3. Các phiên họp của HĐQT giữa 2 kỳ đại hội

Đổi mới nội dung và cách thức tiến hành các kỳ họp HĐQT, nâng cao chất lượng và hiệu quả. Giữa hai kỳ ĐHĐCĐ 2015 – 2016, HĐQT sẽ họp 4 phiên định kỳ, kỳ họp thứ 18 (tháng 7/2015) kỳ họp 19 (tháng 10/2015), kỳ họp 20 (tháng 11/2016), kỳ họp 21 (tháng 4/2016), trong đó kỳ họp 21 là kỳ họp của HĐQT nhiệm kỳ IV (2011 – 2015). Các kỳ họp HĐQT mỗi quý 1 lần đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, kết quả thực hiện NQ HĐQT quý trước, xác định nhiệm vụ, giải pháp thực hiện quý tiếp theo, kịp thời khắc phục những khó khăn hạn chế, hoàn thành thắng lợi Kế hoạch SXKD được ĐHĐCĐ giao, đưa công ty phát triển bền vững.

Năm 2015, HĐQT tập trung chỉ đạo cùng Ban điều hành tổ chức thực hiện có hiệu quả, đồng bộ các giải pháp đã đề ra, thực hiện thắng lợi kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư các dự án năm 2015.

Tập trung củng cố và phát huy có hiệu quả hợp tác liên kết sâu, bền vững với các địa phương và người trồng mía, xây dựng cánh đồng lớn cơ giới hóa đồng bộ, sử dụng phân bón, giống mới công nghệ cao quy mô công nghiệp, xây dựng lại vùng mía bền vững đảm bảo nguồn nguyên liệu đủ công suất cho 2 nhà máy đường, không ngừng nâng cao hiệu quả của sản xuất mía đường.

Nghiên cứu bổ sung định hướng sản xuất kinh doanh nâng cao sức cạnh tranh và hội nhập cho giai đoạn tới; triển khai du nhập khảo nghiệm một số cây trồng rau, hoa, quả, thực phẩm sạch có giá trị cao, có thị trường lớn. Đồng thời khẩn trương chuẩn chị điều kiện hướng tới xuất khẩu, hội nhập.

THÔNG TIN VỀ QUẢN TRỊ - ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

1. HOẠT ĐỘNG NĂM 2014

1.1 Bộ máy điều hành và hệ thống cán bộ quản lý được tái cấu trúc toàn diện, tạo ra một môi trường mới năng động, chủ động hơn: Ngay sau khi được bổ nhiệm Ban điều hành đã trình HĐQT phê duyệt và bổ nhiệm bộ máy tổ chức, ban hành chức năng nhiệm vụ các đơn vị, phòng ban theo hướng chuyên môn hoá; Tiếp tục rà soát xét và tinh giản gần 5,59% lao động so với năm 2013; Tuyển dụng mới 25 lao động, trong đó 5 lao động trình độ thạc sỹ được đào tạo từ nước ngoài và 20 kỹ sư, cử nhân các ngành; Đưa vào hoạt động Hội đồng khoa học theo Quy chế chuyên gia là lực lượng kỹ thuật, kinh tế giỏi bước đầu đã có kết quả...Cơ chế giao khoán gắn với thu nhập được vận hành và từ tháng 07/2014 đã thực hiện trả lương từng tháng theo kết quả, hiệu quả công việc, là đòn bẩy nâng cao năng suất lao động; Công tác an toàn lao động, an ninh trật tự được đảm bảo tuyệt đối.

1.2 Công tác nguyên liệu mía được tập trung, với nhiều cách làm mới đồng bộ: Thực hiện chỉ đạo của HĐQT ngay khi kết thúc vụ ép Ban điều hành cùng với Hiệp hội mía đường Lam Sơn tập trung tổ chức đánh giá rà soát, chấm dặm và tổ chức thi đua chăm sóc mía; Thanh toán tiền mía, tiền cước vụ 2013/2014 dứt điểm trước 30/04/2014 và thực hiện đầu tư vốn để người trồng mía chăm sóc vụ 2014-2015, tổ chức làm việc với chính quyền và bà con để triển khai cơ chế chính sách mới theo Thông báo của HĐQT số 998TB/ĐLS-NN kịp thời, công khai. Quy chế điều hành vụ ép 2014-2015 được ban hành cụ thể và vận hành đồng bộ; Công tác điều hành thu hoạch - vận chuyển vụ 2014/2015 gắn với công tác chỉ đạo trồng mới và chăm sóc mía lưu gốc vụ 2015 -2016 được chỉ đạo quyết liệt và tập trung cao ngay từ đầu vụ thu hoạch, đồng thời thực hiện thanh toán sau 2 ngày nhập mía, tiền cước sau 7 ngày vận chuyển; Giải quyết kịp thời những thắc mắc cho người trồng mía thông qua đường dây nóng hàng ngày.

1.3 Công tác làm mới toàn diện lại Hạt đường Lam Sơn được triển khai quyết liệt, ngay khi kết thúc vụ 2013/2014 Ban điều hành đã tổ chức đánh giá lại hiện trạng thiết bị và công nhân tại các Nhà máy gắn với tổ chức tổng kết, đổi mới công tác giao khoán kiểm tu đến từng công đoạn, từng tổ... vụ 2014/2015 đã nâng cao được năng lực và hiệu quả thiết bị; Tỷ lệ đường luyện đã đạt đến 80%, thực hiện tinh luyện đường thô có hiệu quả; Cơ cấu và chất lượng sản phẩm không ngừng được nâng lên đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.

1.4 Công tác thương mại có nhiều đột phá, chuyển biến tích cực: Tháng 6/2014 thành lập Trung tâm Thương mại Lam Sơn, Trung tâm đã vận hành có hiệu quả Quy chế bán hàng, từng bước khôi phục, xây dựng hệ thống khách hàng là nhà sản xuất lớn, khách hàng truyền thống. Sản phẩm được tiêu thụ tốt trong bối cảnh ngành đường trong nước tồn kho lớn.
Vụ 2014/2015 nhập khẩu đường thô và mua đường vàng 20.000 tấn đưa vào tinh luyện thành công. Đồng thời đã tổ chức đóng gói và tiêu thụ được trên 2.000 tấn đường loại 1kg đến tay người tiêu dùng.

1.5 Các dự án trọng tâm được tập trung cao và cơ bản hoàn thành

- Hoàn thiện dự án nâng cấp thiết bị, công nghệ Nhà máy đường 2 nâng tỷ lệ đường luyện đưa vào sử dụng đúng tiến độ, tỷ lệ đường luyện đã đạt mức 80% .
- Dự án đầu xây dựng và phát triển Trung tâm Nông nghiệp công nghệ cao: đã cơ bản hoàn thành việc giải phóng mặt bằng và thu hồi đất, xác định ranh giới rõ ràng, xây dựng đồng ruộng, xây dựng Trung tâm nuôi cấy mô và phân tích đất. Đồng thời, đã nhân nhanh được 6 giống mía có ưu thế cao về năng suất chất lượng và sạch bệnh đưa vào sản xuất giống mía cấp 2 cung cấp cho vùng mía; Xây dựng các mô hình thâm canh và sản xuất nhiều sản phẩm có giá trị cao như hoa lan, dưa vàng…làm giầu thêm thương hiệu LASUCO.
- Dự án đầu tư Nhà máy gạch Tuynel Lam Sơn – Bá Thước đang trong giai đoạn chạy thử bàn giao, hạng mục Văn phòng Hiệp hội & Sacombank, Văn phòng cho thuê hoàn thành bàn giao tháng 01/2015.

1.6 Công tác tài chính được quản lý chặt chẽ: Thực hiện nghiêm túc việc xây dựng kế hoạch tài chính trình duyệt và tổ chức thực hiện theo tháng, quý. Vì vậy, mặc dù giá bán giảm sâu nhưng do tiết kiệm được các chi phí SXKD nên lợi nhuận vượt kế hoạch đề ra và tăng trưởng cao so với năm 2013; khắc phục mọi khó khăn đảm bảo chi tiêu cho SXKD, đầu tư dự án; Ý thức tiết kiệm của người lao động được nâng lên; Tình hình tài chính lành mạnh.

2. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH NĂM 2015

Năm 2015, Ban điều hành tập trung triển khai quyết liệt các giải pháp mà HĐQT đã đề ra, quyết tâm thực hiện kế hoạch năm 2015:

2.1. Công tác tổ chức, nhân sự - Công tác quản lý

- Tiếp tục đánh giá, rà soát tinh giản lao động, đảm bảo việc làm cho người lao động; Tổ chức tổng kết vụ ép 2014/2015 theo công đoạn, theo các chỉ tiêu KTKT từ tổ đến các nhà máy và toàn Công ty để rút ra bài học kinh nghiệm.
- Rà soát bổ sung, sửa đổi lại cơ chế trả lương, thưởng cho người lao động gắn với kết quả, hiệu quả công việc xóa bỏ tính hình thức; Xây dựng Quy chế lương, thưởng cho giai đoạn 2015-2020; Hoàn thiện và sớm trình HĐQT ban hành Quy chế luân chuyển cán bộ, nhân sự tại LASUCO và các đơn vị thành viên.
- Đánh giá lại hiệu quả hoạt động SXKD và các dự án đã đưa vào hoạt động năm 2014. Tích cực tổ chức triển khai các dự án đầu tư 2015 và định hướng giai đoạn 2015-2020.

Có đề xuất kiến nghị với HĐQT sửa đổi bổ sung cơ chế quản trị, quản lý đảm bảo chặt chẽ từ các đơn vị đến các phòng ban, từ LASUCO đến các công ty con từ khâu giao kế hoạch, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch, giao mục tiêu nhiệm vụ và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Tập trung triển khai quyết liệt chương trình "Làm mới lại cây mía Lam Sơn" đảm bảo đủ nguyên liệu, chất lượng cao cho 2 nhà máy chế biến;
- Phấn đấu đạt mục tiêu vụ 2015-2016 có từ 1 triệu tấn mía trở lên, vận động nghiêm túc thực hiện định hướng 3 KHÔNG của HĐQT: Không có diện tích dưới 1ha, không có mía dưới 8 CCS, không có mía năng suất dưới 70 tấn/ha. Tổ chức phối hợp đồng bộ các lực lượng phục vụ cây mía như cơ giới, phân bón, vận chuyển, giống mía…gắn với các XN nguyên liệu.

- Đánh giá chi tiết lại hoạt động của các Công ty và các Xí nghiệp nguyên liệu, lập Phương án sắp xếp lại các XNNL theo hướng tinh giản, gọn nhẹ, hiệu lực có quy chế giao khoán gắn kết quả với hưởng thụ. Thi tuyển, đánh giá lại đội ngũ cán bộ làm công tác nguyên liệu, lựa chọn cán bộ có năng lực trình độ kỹ thuật cao, có khả năng dân vận và chuyển giao kỹ thuật, có uy tín làm Giám đốc Xí nghiệp. Thực hiện luân chuyển cán bộ giữa các Xí nghiệp. Thành lập đội chuyển giao kỹ thuật chỉ đạo trồng mới, tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật cho người trồng mía gắn với hưởng thụ và kết quả.
- Xây dựng quy chế và hợp đồng kinh tế liên kết sâu hợp tác với chính quyền địa phương và các hộ trồng mía có diện tích lớn để ổn định bền vững lâu dài về diện tích, tổ chức thâm canh tăng năng suất; Trước mắt ngay trong tháng 4&5/2015 triển khai phương án tổng rà soát xét, đánh giá lại diện tích mía đã chăm sóc, trồng mới đảm bảo số liệu chính xác đến từng hợp đồng, hộ trồng mía theo từng Xí nghiệp, từng xã và Công ty. Tập trung kiểm tra đồng ruộng, chỉ đạo tra dặm kịp thời đảm bảo mật độ, chăm sóc kịp thời. Vận động các hộ tăng cường đầu tư phân để bón cho mía. Tập trung triển khai quyết liệt 35 mô hình mẫu trình diễn đã được xác định đạt năng suất từ 100 -150 tấn/ha trở lên, CCS> 11.
- Tập trung triển khai các chương trình cơ giới hóa đồng bộ, lập kế hoạch và đầu tư thêm máy thu hoạch mía; Đề xuất cơ chế chính sách khuyến khích tập trung phát triển vùng gần; Triển khai chương trình tưới nước nhằm tăng năng suất và chất lượng mía; Lập phương án thâm canh tăng năng suất mía, đầu tư ứng trước trực tiếp đến hộ SX lớn để để tích tụ đất đai, đầu tư cơ giới hóa.
- Triển khai có hiệu quả đề án "Nhân nuôi cấy mô sản xuất giống mía có năng suất chất lượng cao, sạch bệnh" tại Trung tâm CNC cung cấp đủ 3 triệu cây giống, đồng thời xây dựng hệ thống nhân giống cấp 3, để nhân giống từ 400 – 500 ha cung cấp cho trồng mới từ 5.000 – 6.000 ha, bảo đảm từ vụ 2016/2017 trở đi 80% diện tích trồng mới trở lên được dùng giống mía của Trung tâm NNCNC.
- Phối hợp chặt chẽ với đơn vị tư vấn rà soát và trình UBND Tỉnh phê duyệt quy hoạch vùng mía đường Lam Sơn giai đoạn 2015 -2020 và tầm nhìn 2030 theo hướng tập trung tại 50-60 xã tại 7 huyện trọng điểm gắn với đánh giá, rà soát xét vùng mía tại Bá Thước, Cẩm Thủy, Lang Chánh và các diện tích đất rừng sản xuất tại các Lâm trường đảm bảo khẳng định cơ sở xây dựng Nhà máy đường tinh luyện 6.000 TMN tại huyện Bá Thước.
- Triển khai và phối hợp với các cơ quan đơn vị và địa phương, xúc tiến khảo sát quy hoạch, lập đề án thuê mua quyền sử dụng từ 5.000- 6.000 ha đất; Xây dựng và trình duyệt quy hoạch vùng nông nghiệp công nghệ cao sản xuất hàng hóa tập trung Sa lộ Đường Hồ Chí Minh, phát triển các sản phẩm mới cho thời kỳ 2016 – 2020 tầm nhìn 2030.

2.2. Công tác công nghiệp chế biến

Làm mới hạt đường Lam Sơn, hoàn thiện thiết bị công nghệ đạt sản phẩm chất lượng cao, hiệu quả cao

- Đánh giá lại thiết bị, tiếp tục hoàn thiện công nghệ một số hạng mục của Dự án 100% đường tinh luyện, gắn với kiểm tu sửa chữa lớn và đào tạo kỹ lại công nhân kỹ thuật để vụ ép 2015-2016 đạt 100% đường tinh luyện và tăng sản lượng điện bán lên lưới gấp 2 lần vụ ép 2014-2015 từ phát điện bằng năng lượng tái tạo (cả trong và ngoài vụ), đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, sẵn sàng hội nhập trong thời gian tới.
- Rà soát xét, lựa chọn lại lực lượng lao động kỹ thuật trọng yếu, lao động tay nghề cao, tinh thần trách nhiệm cao để đào tạo, đào tạo lại đáp ứng các yêu cầu sản xuất mới

Tập trung đầu tư ứng dụng công nghệ xả thải bằng không, xử lý triệt để môi trường và tái tạo năng lượng, nâng cao hiệu quả lên men cồn và tận thu tối đa phụ phẩm tạo ra các sản phẩm mới (men khô) có giá trị kinh tế cao từ nguồn mật rỉ sản xuất đường. Sử dụng dịch hèm thải cô đặc làm nhiên liệu đốt lò, cung cấp thêm nguồn năng lượng tái tạo cho chế biến cồn và luyện đường ngoài vụ...

2.3. Công tác thương mại thị trường, công tác xuất nhập khẩu

- Bám sát thị trường, năng động sáng tạo trong công tác thương mại đảm bảo doanh thu theo mục tiêu kế hoạch 2015, giữ gìn và phát triển hệ thống các khách hàng truyền thống và khách hàng sản xuất lớn thương hiệu toàn cầu. Tổ chức lại và tăng cường nhân lực vững mạnh cho công tác xuất nhập khẩu đường và các loại vật tư cho sản xuất đường, đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại tìm kiếm thị trường mới cho các sản phẩm mới.
- Đề xuất với HĐQT hoàn thiện cơ chế quản lý và giao quyền về trách nhiệm rõ ràng, tổ chức hoạt động của Trung tâm Thương mại Lam Sơn phù hợp để tăng hiệu quả khâu thương mại gắn với tôn vinh thương hiệu Lasuco.
- Năm 2015 nhập khẩu và mua thương mại từ 35.000 - 40.000 tấn đường các loại để luyện và tiêu thụ đáp ứng nhu cầu của khách hàng, tăng thu nhập cho Công ty.
- Dành 10% sản lượng đường đóng đường túi, đường hộp với mẫu mã phong phú, đa dạng để tổ chức bán lẻ đến người tiêu dùng. Xúc tiến thương mại xuất khẩu đường, cồn sang các thị trường có tiềm năng như:Indonexia, Malaysia và Singapore…Xây dựng bộ nhận diện thương hiệu Lasuco.

2.4. Tiếp tục tập trung thực hiện chương trình phát triển nông nghiệp công nghệ cao:

- Tập trung hoàn thành các thủ tục đăng ký chứng nhận, công bố thành lập doanh nghiệp khoa học trong quý II/2015.
- Hoàn thành các công trình đầu tư sân đường hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà nuôi cấy mô; Hệ thống quy hoạch phân lô – mương thoát nước; Cải tạo Hồ Bặn thành hồ sinh thái; Đầu tư Trạm bơm tưới cung cấp cho Trung tâm…theo kế hoạch đã được phê duyệt.
- Hợp tác liên kết đầu tư dự án Nhà kính, vườn ươm, cánh đồng mở với diện tích 13 ha để đa dạng hóa các loại sản phẩm Rau – Hoa- Quả, đáp ứng nhu cầu thị hiếu của thị trường.
- Tổ chức hợp tác với các hộ nông dân, các hội viên Hiệp hội mía đường Lam Sơn có đủ năng lực để triển khai nhân rộng các mô hình nông nghiệp công nghệ cao theo hướng liên kết hợp tác và bao tiêu sản phẩm.
- Tổ chức Trung tâm NNCNC đảm bảo có nguồn nhân lực mạnh về quản lý, tổ chức tiếp thu khoa học kỹ thuật, thị trường, vừa tổ chức sản xuất và làm thương hiệu sản phẩm. Khai thác có hiệu quả cơ sở vật chất kỹ thuật đã đầu tư, hoàn thành kế hoạch SXKD được giao.
- Chuẩn bị tốt các điều kiện để tiếp quản và tổ chức SXKD 1.000 ha đất theo dự án Nông nghiệp công nghệ cao Sao Vàng để UBND Tỉnh có quyết định cấp phép đầu tư.

3.5. Tập trung cao tổ chức các sự kiện trọng đại:

Kỷ niệm 35 năm thành lập Công ty; Đại hội Đảng bộ Công ty nhiệm kỳ X giai đoạn 2015-2020; Tổ chức hội thảo Quốc tế về mía đường vào tháng 11/2015.

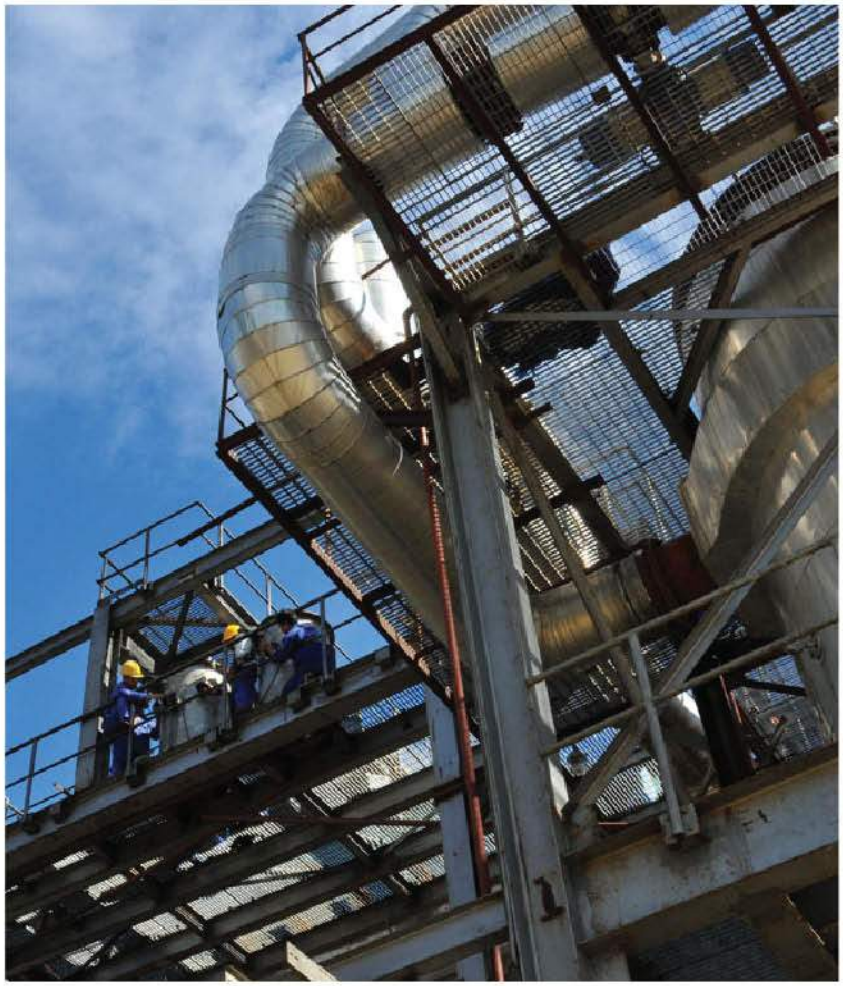

THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Hoạt động của Ban kiểm soát

Năm 2014, Ban kiểm soát đã tổ chức 4 kỳ họp định kỳ đánh giá hoạt động quản trị, điều hành, đánh giá công tác kiểm soát của quý trước và thống nhất kế hoạch kiểm soát quý tiếp theo. Đồng thời mỗi kỳ kiểm tra Ban kiểm soát đều tổ chức họp triển khai, phân công nhiệm vụ và thông qua kết quả khi kết thúc đợt kiểm tra.

Các thành viên Ban kiểm soát tham gia thảo luận, thống nhất ý kiến cũng như nội dung báo cáo gửi đến HĐQT tại các kỳ họp hàng quý.

Trong năm 2014, Ban kiểm soát thực hiện các công việc trọng tâm:

- Giám sát và đánh giá hoạt động của HĐQT và BĐH liên quan đến việc tuân thủ pháp luật, thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ, nghị quyết Hội đồng quản trị (HĐQT) cũng như các kế hoạch tài chính, kế hoạch kinh doanh hàng quý; Thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng và năm nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính, xem xét ảnh hưởng của các vấn đề trọng yếu liên quan đến báo cáo tài chính;
- Tham gia các cuộc họp của HĐQT, họp giao ban của Ban điều hành (BĐH), giám sát và đóng góp ý kiến trong việc thực hiện các mục tiêu và kế hoạch của Công ty.
- Xem xét các báo cáo của Kiểm toán độc lập, và đưa ra kiến nghị của mình trước khi báo cáo kiểm toán được ban hành; Đề ra các biện pháp phù hợp cho Ban điều hành các cấp khắc phục; Đồng thời giám sát các đơn vị trong việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán và Ban kiểm soát đưa ra.
- Giám sát việc thực hiện NQ ĐHĐCĐ và tuân thủ pháp luật của HĐQT, BĐH.
- Tích cực tham gia đóng góp ý kiến vào các chủ trương, định hướng và các quy chế, quy định của Công ty.
- Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động của một số phòng ban chức năng, các xí nghiệp nguyên liệu và công ty con. Phối hợp với các phòng ban đơn vị trong việc triển khai kiểm tra, giám sát một số chương trình theo yêu cầu của HĐQT và Ban điều hành.
- Đối với cổ đông: Giữa hai kỳ đại hội, BKS chưa nhận được thư yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông theo quy định tại điều 11 Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty.

2. Đánh giá của Ban kiểm soát về hoạt động Quản trị và Điều hành

Trước những khó khăn của nền kinh tế, HĐQT và BTGĐ đã thực thi đúng quyền hạn và nghĩa vụ với tinh thần trách nhiệm, vì lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông. Về hoạt động của HĐQT và BĐH, Ban kiểm soát thống nhất với báo cáo của HĐQT và BĐH đã trình bày tại Đại hội, đề nghị ĐHĐCĐ xem xét thông qua. Đồng thời nhấn mạnh và bổ sung một số nội dung:

Qua công tác kiểm tra, giám sát BKS nhận thấy hoạt động quản trị - điều hành của HĐQT và BTGĐ đã tuân thủ đúng Pháp luật, Điều lệ công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2014. HĐQT cũng đã bám sát các mục tiêu, định hướng mà ĐHĐCĐ giao, triển khai quyết luyệt các nhiệm vụ nên công ty đã khắc phục khó khăn, hoàn thành cơ bản các mục tiêu kế hoạch đã đề ra. Đồng thời đã triển khai nhiều giải pháp mang tính chiến lược về nhân sự, công nghệ và thị trường.

Đối với hoạt động của BKS, HĐQT đã cung cấp kịp thời, đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định cho Ban kiểm soát; Nhìn chung, các nghị quyết được ban hành kịp thời, thực hiện đúng thẩm quyền của HĐQT đồng thời đáp ứng được yêu cầu điều hành SXKD của Ban TGĐ.

BĐH đã triển khai thực hiện khá tốt nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT theo đúng chức năng và thẩm quyền được giao. Trong năm 2014, mặc dù Ban Tổng Giám đốc mới được bổ nhiệm từ tháng 5, nhưng đã có nhiều nỗ lực để tiếp nhận công việc, hoàn thiện tổ chức bộ máy, tổ chức triển khai hoạt động SXKD của Công ty.

HĐQT, BĐH đã tuân thủ các quy định và hợp tác toàn diện với Ban kiểm soát trong công tác kiểm tra, giám sát; cung cấp thông tin thường xuyên, kịp thời hoạt động SXKD.

3. Nhiệm vụ trọng tâm năm 2015

Căn cứ kết quả hoạt năm 2014, kế hoạch SXKD và các chương trình trọng điểm của công ty sẽ triển khai trong năm 2015. Ban kiểm soát xác định nhiệm vụ trong tâm cho công tác kiểm soát năm 2015:

- Kiểm tra giám sát các hoạt động quản trị và điều hành, quản lý kinh doanh theo chức năng, nhiệm vụ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai công tác sản xuất kinh doanh, các chương trình, kế hoạch đầu tư của Công ty;
- Giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT;
- Xem xét, thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, 6 tháng, hàng quý của Công ty. Trọng tâm là kiểm soát chi phí phát sinh trong kỳ.
- Tổ chức kiểm tra bất thường khi thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của HĐQT hoặc theo yêu cầu của Cổ đông theo quy định;
- Xem xét kết quả điều tra nội bộ (nếu có) và ý kiến phản hồi của HĐQT, Ban điều hành để có thêm thông tin trong quá trình thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát;
- Tham gia tích cực vào việc xây dựng các quy chế, quy định đồng thời tổ chức giám sát việc thực hiện đảm bảo tính tuân thủ.
- Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ với HĐQT, BĐH và giữa các thành viên BKS với Kiểm soát viên tại các đơn vị, hệ thống giám sát nội bộ tại các đơn vị thành viên để thực hiện các công việc kiểm tra, giám sát nhằm có những kiến nghị, đóng góp kịp thời, đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông.

THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT - BKS

1. Thù lao, tiền lương và tiền thưởng cho Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao (đồng/tháng)	Tiền lương (đồng/tháng)
1	Lê Văn Tam	Chủ tịch HĐQT	15.000.000	63.899.393
2	Lê Thị Tiến	Phó chủ tịch TT HĐQT	10.000.000	28.441.014
3	Lê Thanh Tùng	Phó chủ tịch HĐQT	8.000.000	
4	Phùng Thanh Hải	TV HĐQT	8.000.000	
5	Lê Trọng Bài	TV HĐQT	8.000.000	
6	Lê Đình Trường	TV HĐQT	8.000.000	
7	Trịnh Ngọc Long	TV HĐQT		
8	Hà Đức Chính	TV HĐQT	8.000.000	

2. Thù lao, tiền lương và tiền thưởng cho Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao (đồng/tháng)	Tiền lương (đồng/tháng)
1	Lê Văn Quang	Trưởng BKS	10.000.000	19.045.964
2	Đỗ Văn Mạnh	Kiểm soát viên	5.000.000	8.464.795
3	Lê Thị Tình	Kiểm soát viên	5.000.000	8.464.795

3. Các chi phí khác cho hoạt động của HĐQT - BKS

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao	Tiền lương
I	Chi phí HĐQT, BKS	4.204.342.180	3.675.037.839	3.894.917.839
1	Chi phí lương và có tính chất lương	1.909.456.287	1.554.547.229	1.796.423.454
2	Chi phí đồ dùng văn phòng, BHLĐ	20.636.636	20.428.849	11.855.447
3	Khấu hao TSCĐ quản lý	958.433.131	742.525.641	736.820.089
4	Chi phí dịch vụ mua ngoài	213.093.503	229.994.135	291.179.868
-	Điện thoại, Internet	51.484.635	52.280.675	38.187.110
-	Xăng dầu xe con công tác	129.508.868	150.723.500	181.450.485
-	Chi phí sửa chữa thường xuyên TSCĐ	32.100.000	26.989.960	71.542.273
5	Chi phí quản lý bằng tiền khác	1.102.722.623	1.127.541.985	1.058.638.981
-	Chi phí tiếp khách, giao dịch	94.548.520	36.073.695	31.787.701
-	Chi phí công tác	54.274.103	141.336.745	66.796.280
-	Chi phí thù lao HĐQT, BKS	852.000.000	852.000.000	886.000.000
-	Chi phí khác	101.900.000	98.131.545	74.055.000
II	Doanh thu có VAT	1.512.693.088.267	1.611.740.761.328	1.618.718.929.181
III	Tổng ngân sách theo Nghị quyết ĐHĐCĐ			
-	Thù lao, chi phí hoạt động của HĐQT, BKS (0,4% Doanh thu có VAT)	6.050.772.353	6.446.963.045	6.474.875.717
IV	Tiết kiệm chi phí hoạt động của HĐQT, BKS	1.846.430.173	2.771.925.206	2.579.957.878

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

Vốn điều lệ Công ty: 700.000.000.000 đồng
Khối lượng cổ phiếu niêm yết: 70.000.000 cổ phiếu
Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành: 70.000.000 cổ phiếu
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu

1. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tại thời điểm 26/3/2015 theo danh sách chốt sổ cổ đông đại hội cổ đông thường niên năm 2015

Cổ đông	SL Cổ đông	SL Cổ phần	Tỷ lệ (%)
I. Trong nước	**2053**	**61.488.223**	**87,84**
1. Cá nhân	2008	18.937.813	27,05
2. Pháp nhân	43	42.550.410	60,79
II. Nước ngoài	**100**	**8.511.777**	**12,16**
1. Cá nhân	81	850.465	1,22
2. Pháp nhân	19	7.661.312	10,94
Cộng	**2151**	**70.000.000**	**100,00**

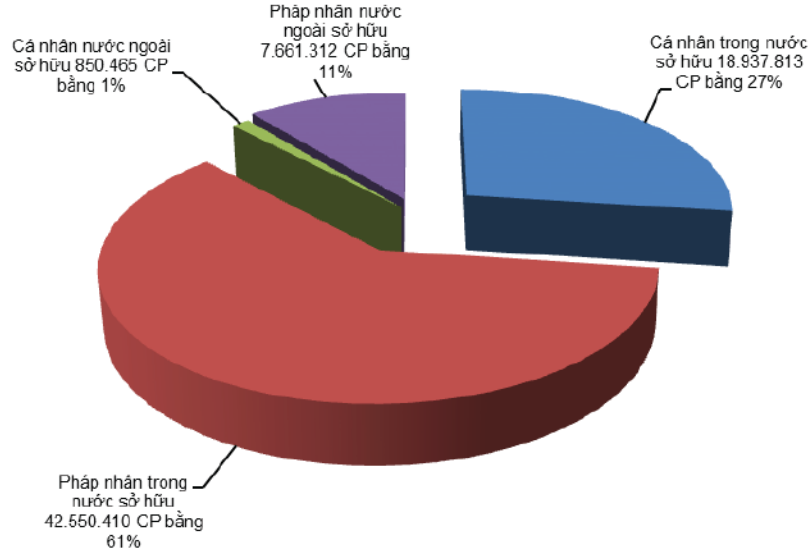

2. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SỞ HỮU TỪ 5% SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU

Cổ đông	Địa chỉ	SL CP	Tỉ lệ %
Hiệp hội mía đường Lam Sơn	TT Lam Sơn - Thọ Xuân - Thanh Hóa	15.635.190	22,36
Công ty CP phát triển Thương mại dịch vụ Thăng Long	P.Thịnh Quang- Q. Đống Đa-Hà nội	6.120.517	8,74
Công ty CP đầu tư phát triển Tân Thành Đạt	P. Trung hòa – Q.Cầu giấy – Hà Nội	5.573.150	7,96
Tổng cộng		**27.328.857**	**39,06**

3. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Thời điểm 25/02/2014		Thời điểm 16/03/2015	
			Số cổ phần	Tỷ lệ %	Số cổ phần	Tỷ lệ %
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ						
1	Lê Văn Tam	Chủ tịch HĐQT	1.000.390	2,000	1.480.500	2,120
2	Lê Thị Tiến	P.Chủ tịch HĐQT	51.512	0,100	86.512	0,120
3	Phùng Thanh Hải	Thành viên HĐQT	2.000	0,004	5.000	0,010
4	Lê Trọng Bài	Thành viên HĐQT	-	-		-
5	Lê Đình Trường	Thành viên HĐQT	-	-	5.000	0,010
6	Lê Thanh Tùng (*)	P.Chủ tịch HĐQT	562.050	1,120	597.050	0,850
7	Hà Đức Chính (*)	Thành viên HĐQT	54.992	0,110	88.982	0,130
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH						
1	Lê Văn Phương	Tổng giám đốc	-	-	8.130	0,010
2	Lê Bá Chiều	Phó TGĐ	-	-	4.712	0,010
3	Nguyễn Duy Thành	Phó TGĐ	-	-	5.000	0,010
4	Lê Văn Thanh (**)	Tổng giám đốc	70.312	0,140	116.312	0,170
5	Lê Thanh Tùng (**)	Phó TGĐ				
6	Trần Quốc Vinh (**)	Phó TGĐ	38.837	0,080	48.837	0,078
7	Đặng Thế Giang (**)	Phó TGĐ	650	-	25.650	0,040

BAN KIỂM SOÁT						
1	Lê Văn Quang	Trưởng BKS	17.500	0,035	37.750	0,050
2	Lê Thị Tình	Thành viên BKS	3.125	0,006	9.055	0,013
3	Đỗ Văn Mạnh	Thành viên BKS	12.500	0,025	21.250	0,030
KẾ TOÁN TRƯỞNG						
1	Lê Thị Huệ	Kế toán trưởng	26.875	0,05	56.875	0,08

(*) Miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2014.

(**) Miễn nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN
LAM SON SUGAR CANE JOINT STOCK CORPORATION

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN

(Theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán Việt Nam (VAS)

CHUẨN MỰC - MINH BẠCH - TIN CẬY

A. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN RIÊNG CỦA CÔNG TY MẸ

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 056673 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp vào ngày 23 tháng 12 năm 1999 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 8 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23 tháng 12 năm 2014.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- Sản xuất đường;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất;
- Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp; và
- Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	*Địa chỉ*
Văn phòng Công ty	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Chi nhánh Công ty tại Hà Nội	Số 16A Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Nhà máy cồn	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường số 1	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường số 2	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Xí nghiệp nguyên liệu	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Trung tâm Công nghệ cao	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Tam	Chủ tịch	
Ông Lê Thanh Tùng	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2014
Bà Lê Thị Tiến	Phó Chủ tịch	
Ông Lê Đình Trường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2014
Ông Lê Trọng Bài	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2014
Ông Phùng Thanh Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2014
Ông Trịnh Ngọc Long	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 2 năm 2014
Ông Hà Đức Chính	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2014

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Quang	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Đỗ Văn Mạnh	Ủy viên
Bà Lê Thị Tình	Ủy viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Phương	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2014
Ông Lê Văn Thanh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2014
Ông Nguyễn Duy Thành	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2014
Ông Lê Bá Chiều	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2014
Ông Lê Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2014
Ông Đặng Thế Giang	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2014
Ông Trần Quốc Vinh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2014

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Văn Tam, Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Ông Lê Văn Phương đã được Ông Lê Văn Tam ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2015

Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel : + 84 4 3831 5100
Fax: + 84 4 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 61060845/17105643

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mía đường Lam sơn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn ("Công ty") được lập ngày 27 tháng 3 năm 2015 và được trình bày từ trang 6 đến trang 46, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Building a better working world

Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel : + 84 4 3831 5100
Fax: + 84 4 3831 5090
ey.com

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng của Công ty. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo kiểm toán độc lập của chúng tôi đề ngày 27 tháng 3 năm 2015 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng đó vào ngày 26 tháng 3 năm 2014.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

CHI NHÁNH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM TẠI HÀ NỘI

Bùi Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1067-2013-004-1

Lã Quý Hiển
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1691-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	*TÀI SẢN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**717.366.223.540**	**517.073.783.190**
110	***I. Tiền và các khoản tương đương tiền***	***4***	***210.793.475.252***	***15.320.762.221***
111	1. Tiền		8.793.475.252	15.320.762.221
112	2. Các khoản tương đương tiền		202.000.000.000	-
120	***II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn***	***5***	***-***	***12.053.754.836***
121	1. Đầu tư ngắn hạn		-	12.053.754.836
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***357.962.830.254***	***245.014.031.703***
131	1. Phải thu khách hàng	6.1	120.379.236.215	27.820.187.328
132	2. Trả trước cho người bán	6.2	211.207.574.141	198.575.926.982
135	3. Các khoản phải thu khác	7	26.556.031.616	18.867.598.937
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1	(180.011.718)	(249.681.544)
140	***IV. Hàng tồn kho***	***8***	***120.179.885.072***	***213.306.332.084***
141	1. Hàng tồn kho		120.179.885.072	213.306.332.084
150	***V. Tài sản ngắn hạn khác***		***28.430.032.962***	***31.378.902.346***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	25.481.590.201	29.872.464.919
158	2. Tài sản ngắn hạn khác		2.948.442.761	1.506.437.427
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**1.436.803.631.105**	**1.468.174.790.108**
210	***I. Các khoản phải thu dài hạn***		***3.105.776.077***	***15.906.219.912***
218	1. Phải thu dài hạn khác	10	3.105.776.077	15.906.219.912
220	***II. Tài sản cố định***		***1.306.870.129.625***	***1.330.841.323.061***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	1.240.348.976.104	1.246.598.400.203
222	Nguyên giá		2.284.979.762.178	2.165.936.893.300
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.044.630.786.074)	(919.338.493.097)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	6.499.203.752	18.762.139.945
228	Nguyên giá		14.596.060.332	27.296.298.332
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(8.096.856.580)	(8.534.158.387)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	60.021.949.769	65.480.782.913
250	***III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn***	***14***	***100.205.296.956***	***111.535.310.707***
251	1. Đầu tư vào công ty con		70.967.611.048	59.946.093.886
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		47.033.790.000	46.800.390.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác		15.490.700.000	31.805.875.202
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(33.286.804.092)	(27.017.048.381)
260	***IV. Tài sản dài hạn khác***		***26.622.428.447***	***9.891.936.428***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	26.622.428.447	9.891.936.428
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**2.154.169.854.645**	**1.985.248.573.298**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	*NGUỒN VỐN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
300	**A. NỢ PHẢI TRẢ**		**684.139.054.086**	**698.938.375.420**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***628.065.942.558***	***452.227.848.344***
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	16	457.737.420.630	252.153.682.355
312	2. Phải trả người bán	17.1	51.907.094.068	46.985.362.177
313	3. Người mua trả tiền trước	17.2	330.604.000	26.486.069.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	16.677.733.331	10.124.416.672
315	5. Phải trả người lao động		15.254.380.468	14.940.342.496
316	6. Chi phí phải trả	19	4.159.000.032	15.403.691.123
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	20	15.535.527.617	32.724.869.801
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	21	66.464.182.412	53.409.414.720
330	***II. Nợ dài hạn***		***56.073.111.528***	***246.710.527.076***
334	1. Vay và nợ dài hạn	22	2.000.000.000	200.000.000.000
335	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	395.548
339	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	23	54.073.111.528	46.710.131.528
400	**B. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**1.470.030.800.559**	**1.286.310.197.878**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	***24***	***1.469.192.092.302***	***1.285.820.600.821***
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		700.000.000.000	500.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		180.276.411.784	180.276.411.784
417	3. Quỹ đầu tư phát triển		493.290.681.814	481.266.276.800
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		63.829.403.778	61.857.463.123
420	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		31.795.594.926	62.420.449.114
430	***II. Nguồn kinh phí và quỹ khác***		***838.708.257***	***489.597.057***
432	1. Nguồn kinh phí		755.373.593	406.262.393
433	2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		83.334.664	83.334.664
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**2.154.169.854.645**	**1.985.248.573.298**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2014

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ (đồng Việt Nam)		229.150.860.000	31.378.857.143
2. Nợ khó đòi đã xử lý (đồng Việt Nam)		1.565.227.263	1.383.146.051
3. Ngoại tệ các loại			
- Đô la Mỹ (USD)		2.645	2.650

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Đỗ Thị Thanh Hà	Lê Thị Huệ	Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**25.1**	**1.541.459.527.723**	**1.529.629.975.516**
02	**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**	**25.1**	**-**	**-**
10	**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**25.1**	**1.541.459.527.723**	**1.529.629.975.516**
11	**4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**	**26**	**(1.358.430.388.007)**	**(1.353.763.623.034)**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**183.029.139.716**	**175.866.352.482**
21	**6. Doanh thu hoạt động tài chính**	**25.2**	**294.167.343**	**5.825.637.458**
22	**7. Chi phí tài chính**	**27**	**(56.176.767.756)**	**(90.604.694.195)**
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(45.687.924.120)*	*(68.199.149.915)*
24	**8. Chi phí bán hàng**		**(19.056.754.236)**	**(9.812.943.672)**
25	**9. Chi phí quản lý doanh nghiệp**		**(38.156.557.001)**	**(28.598.399.667)**
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**69.933.228.066**	**52.675.952.406**
31	**11. Thu nhập khác**	**28**	**6.135.134.576**	**3.514.950.126**
32	**12. Chi phí khác**	**28**	**(6.190.605.333)**	**(4.018.055.441)**
40	**13. Lỗ khác**	**28**	**(55.470.757)**	**(503.105.315)**
50	**14. Tổng lợi nhuận trước thuế**		**69.877.757.309**	**52.172.847.091**
51	**15. Chi phí thuế TNDN hiện hành**	**30.1**	**(15.582.557.931)**	**(12.742.924.808)**
52	**16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại**	**30.1**	**395.548**	**8.890.818**
60	**17. Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**54.295.594.926**	**39.438.813.101**

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Đỗ Thị Thanh Hà	Lê Thị Huệ	Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Tổng lợi nhuận trước thuế**		**69.877.757.309**	**52.172.847.091**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định		141.433.688.350	100.708.351.528
03	Các khoản dự phòng		6.221.914.388	1.704.894.060
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	(1.582.194)
05	Lỗ từ hoạt động đầu tư		2.006.637.660	4.023.130.805
06	Chi phí lãi vay	27	45.687.924.120	68.199.149.915
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**265.227.921.827**	**226.806.791.205**
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(83.590.935.344)	237.900.046.246
10	Giảm hàng tồn kho		81.672.819.192	58.558.032.017
11	Tăng các khoản phải trả		19.205.967.003	8.173.376.909
12	Giảm chi phí trả trước		1.060.583.353	22.783.137.749
13	Tiền lãi vay đã trả		(50.776.784.812)	(69.820.016.197)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	30.2	(15.964.664.253)	(18.731.901.447)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		3.827.434.514	1.362.222.560
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.092.894.134)	(5.357.787.481)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**219.569.447.346**	**461.673.901.561**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(178.072.364.595)	(114.073.602.137)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	3.402.870.000
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(998.350.398)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		6.600.000.000	981.555.981
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(6.733.400.000)	(5.971.823.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		18.000.000.000	29.043.512.005
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		294.167.343	8.928.909.799
30	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**		**(159.911.597.252)**	**(78.686.927.750)**

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		1.134.200.573.558	994.741.255.374
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(926.616.835.283)	(1.418.901.108.637)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả		(71.768.875.338)	(49.952.192.450)
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính**		**135.814.862.937**	**(474.112.045.713)**
50	**Tăng/(giảm) tiền thuần trong năm**		**195.472.713.031**	**(91.125.071.902)**
60	**Tiền đầu năm**		**15.320.762.221**	**106.444.251.929**
61	**Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ**		**-**	**1.582.194**
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**4**	**210.793.475.252**	**15.320.762.221**

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Đỗ Thị Thanh Hà	Lê Thị Huệ	Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2015

B. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 056673 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp vào ngày 23 tháng 12 năm 1999 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 8 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23 tháng 12 năm 2014.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- Sản xuất đường;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất;
- Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp; và
- Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	*Địa chỉ*
Văn phòng Công ty	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Chi nhánh Công ty tại Hà Nội	Số 16A Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Nhà máy cồn	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường số 1	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường số 2	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Xí nghiệp nguyên liệu	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Trung tâm Công nghệ cao	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Tam	Chủ tịch	
Ông Lê Thanh Tùng	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2014
Bà Lê Thị Tiến	Phó Chủ tịch	
Ông Lê Đình Trường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2014
Ông Lê Trọng Bài	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2014
Ông Phùng Thanh Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2014
Ông Trịnh Ngọc Long	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 2 năm 2014
Ông Hà Đức Chính	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2014

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Quang	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Đỗ Văn Mạnh	Ủy viên
Bà Lê Thị Tình	Ủy viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Phương	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2014
Ông Lê Văn Thanh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2014
Ông Nguyễn Duy Thành	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2014
Ông Lê Bá Chiều	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2014
Ông Lê Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2014
Ông Đặng Thế Giang	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2014
Ông Trần Quốc Vinh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2014

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Văn Tam, Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Ông Lê Văn Phương đã được Ông Lê Văn Tam ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Tổng Giám đốc
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2015

Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel : + 84 4 3831 5100
Fax: + 84 4 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 61060845/17105643-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Công ty và các công ty con") được lập ngày 27 tháng 3 năm 2015 và được trình bày từ trang 6 đến trang 51, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Building a better working world

Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel : + 84 4 3831 5100
Fax: + 84 4 3831 5090
ey.com

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 29 tháng 3 năm 2014.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

CHI NHÁNH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM TẠI HÀ NỘI

Bùi Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1067-2013-004-1

Lã Quý Hiển
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1691-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	*TÀI SẢN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**801.473.216.852**	**707.546.823.009**
110	***I. Tiền và các khoản tương đương tiền***	***5***	***230.408.794.588***	***22.984.476.131***
111	1. Tiền		24.408.794.588	21.484.476.131
112	2. Các khoản tương đương tiền		206.000.000.000	1.500.000.000
120	***II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn***	***6***	***-***	***12.053.754.836***
121	1. Đầu tư ngắn hạn		-	12.053.754.836
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***318.445.015.641***	***244.589.495.066***
131	1. Phải thu khách hàng	7.1	175.041.575.880	61.537.800.906
132	2. Trả trước cho người bán	7.2	120.213.145.912	167.684.298.980
135	3. Các khoản phải thu khác	8	26.582.747.216	17.848.189.760
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7.1	(3.392.453.367)	(2.480.794.580)
140	***IV. Hàng tồn kho***		***223.478.998.410***	***394.889.741.070***
141	1. Hàng tồn kho	9	225.542.145.098	395.016.392.327
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.063.146.688)	(126.651.257)
150	***V. Tài sản ngắn hạn khác***		***29.140.408.213***	***33.029.355.906***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	25.797.782.881	30.283.843.134
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		44.781.695	1.110.326.021
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		255.135.676	34.979.825
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		3.042.707.961	1.600.206.926

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	*TÀI SẢN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**1.439.923.043.746**	**1.475.392.547.001**
210	***I. Các khoản phải thu dài hạn***		***24.824.630***	***8.894.316.717***
218	1. Phải thu dài hạn khác	11	47.324.630	8.916.816.717
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(22.500.000)	(22.500.000)
220	***II. Tài sản cố định***		***1.370.777.570.330***	***1.394.791.966.072***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	1.288.885.286.664	1.295.654.006.675
222	Nguyên giá		2.405.929.882.744	2.278.564.734.255
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.117.044.596.080)	(982.910.727.580)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	6.499.203.752	18.762.139.945
228	Nguyên giá		14.596.060.332	27.296.298.332
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(8.096.856.580)	(8.534.158.387)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	75.393.079.914	80.375.819.452
250	***III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn***	***15***	***35.553.312.333***	***51.506.739.780***
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		20.062.612.333	19.700.864.578
258	2. Đầu tư dài hạn khác		15.490.700.000	31.805.875.202
260	***IV. Tài sản dài hạn khác***		***33.567.336.453***	***19.123.979.299***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	33.202.073.850	19.069.452.826
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31.3	365.262.603	54.526.473
269	***V. Lợi thế thương mại***		***-***	***1.075.545.133***
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**2.241.396.260.598**	**2.182.939.370.010**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	*NGUỒN VỐN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
300	**A. NỢ PHẢI TRẢ**		**774.403.637.337**	**882.413.745.486**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***715.979.261.947***	***633.174.359.295***
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	17	511.570.040.280	396.669.234.020
312	2. Phải trả người bán		67.657.090.949	68.249.641.180
313	3. Người mua trả tiền trước		383.205.666	25.835.940.398
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	18.360.534.819	10.846.040.452
315	5. Phải trả người lao động		19.960.398.858	19.833.456.874
316	6. Chi phí phải trả	19	9.543.071.327	16.509.802.372
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	20	19.746.051.405	39.249.724.672
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	21	68.758.868.643	55.980.519.327
330	***II. Nợ dài hạn***		***58.424.375.390***	***249.239.386.191***
333	1. Phải trả dài hạn khác		1.040.687.623	1.760.988.619
334	2. Vay và nợ dài hạn	22	2.000.000.000	200.000.000.000
335	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31.3	-	395.548
338	4. Doanh thu chưa thực hiện		-	452.987.292
339	5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	23	55.383.687.767	47.025.014.732
400	**B. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**1.466.548.545.531**	**1.289.015.968.690**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	***24***	***1.465.709.837.274***	***1.288.526.371.633***
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		700.000.000.000	500.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		180.276.411.784	180.276.411.784
417	3. Quỹ đầu tư phát triển		507.327.289.159	491.067.590.288
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		65.327.108.335	62.856.684.456
419	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		133.182.845	133.182.845
420	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		12.645.845.151	54.192.502.260
430	***II. Nguồn kinh phí và quỹ khác***		***838.708.257***	***489.597.057***
432	1. Nguồn kinh phí		755.373.593	406.262.393
433	2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		83.334.664	83.334.664
439	**C. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**	**25**	**444.077.730**	**11.509.655.834**
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**2.241.396.260.598**	**2.182.939.370.010**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2014

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (đồng Việt Nam)		229.150.860.000	31.378.857.143
2. Nợ khó đòi đã xử lý (đồng Việt Nam)		1.565.227.263	1.383.146.051
3. Ngoại tệ các loại			
- Đô la Mỹ (USD)		2.645	2.650

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Lê Đức Anh	Lê Thị Huệ	Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**26.1**	**1.733.109.059.477**	**1.848.159.136.143**
02	**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**	**26.1**	**(81.478.771)**	**(770.237.703)**
10	**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**26.1**	**1.733.027.580.706**	**1.847.388.898.440**
11	**4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**	**27**	**(1.525.946.168.520)**	**(1.621.632.273.142)**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**207.081.412.186**	**225.756.625.298**
21	**6. Doanh thu hoạt động tài chính**	**26.2**	**4.006.413.193**	**5.065.330.859**
22	**7. Chi phí tài chính**	**28**	**(65.332.834.194)**	**(98.832.159.216)**
23	*- Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(60.206.836.657)*	*(86.529.077.787)*
24	**8. Chi phí bán hàng**		**(28.665.572.738)**	**(22.399.285.083)**
25	**9. Chi phí quản lý doanh nghiệp**		**(55.171.611.138)**	**(52.776.719.496)**
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**61.917.807.309**	**56.813.792.362**
31	**11. Thu nhập khác**	**29**	**6.721.139.306**	**9.978.373.144**
32	**12. Chi phí khác**	**29**	**(6.956.255.580)**	**(10.791.591.172)**
40	**13. Lỗ khác**	**29**	**(235.116.274)**	**(813.218.028)**
45	**14. Phần lợi nhuận/(lỗ) từ công ty liên kết**	**15.1**	**186.364.328**	**(483.614.840)**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
50	**15. Tổng lợi nhuận trước thuế**		**61.869.055.363**	**55.516.959.494**
51	**16. Chi phí thuế TNDN hiện hành**	**31.2**	**(15.758.503.216)**	**(13.766.775.430)**
52	**17. Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại**	**31.3**	**311.131.678**	**(191.274.365)**
60	**18. Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**46.421.683.825**	**41.558.909.699**
	Trong đó:			
61	*(Lỗ)/lợi ích của các cổ đông thiểu số*	*25*	*(4.922.031.038)*	*1.114.095.518*
62	*Lãi thuộc về các cổ đông của công ty mẹ*	*24.1*	*51.343.714.863*	*40.444.814.181*
70	**19. Lãi trên cổ phiếu**	**33**		
	- Lãi cơ bản		*942*	*809*
	- Lãi suy giảm		*942*	*809*

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Lê Đức Anh	Lê Thị Huệ	Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc cùng ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Tổng lợi nhuận trước thuế**		**61.869.055.363**	**55.516.959.494**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định		150.701.711.312	117.452.483.842
03	Các khoản dự phòng		933.487.290	(7.252.061.035)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	(1.636.069)
05	Lỗ từ hoạt động đầu tư		761.361.706	7.428.597.772
06	Chi phí lãi vay	28	60.206.836.657	86.529.077.787
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**274.472.452.328**	**259.673.421.791**
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(48.524.332.497)	248.671.166.527
10	Giảm hàng tồn kho		160.314.982.215	47.359.830.381
11	Tăng các khoản phải trả		14.090.561.737	21.105.956.621
12	Giảm chi phí trả trước		2.106.199.614	23.990.004.404
13	Tiền lãi vay đã trả		(62.165.925.230)	(88.368.196.430)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	31.2	(16.840.793.918)	(20.960.742.026)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		4.542.386.483	1.760.165.053
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(6.503.098.887)	(11.131.009.769)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**321.492.431.845**	**482.100.596.552**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(184.919.723.279)	(121.469.018.212)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	8.852.879.143
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(1.078.350.398)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		6.600.000.000	1.108.830.981
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(233.400.000)	(972.323.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác/bán công ty con		18.000.000.000	1.900.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.353.078.969	2.498.372.873
30	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**		**(159.200.044.310)**	**(109.159.608.613)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc cùng ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		1.243.506.294.658	1.310.704.380.329
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.126.605.488.398)	(1.738.417.675.168)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả		(71.768.875.338)	(49.952.486.483)
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính**		**45.131.930.922**	**(477.665.781.322)**
50	**Tăng/(giảm) tiền và tương đương tiền thuần trong năm**		**207.424.318.457**	**(104.724.793.383)**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**22.984.476.131**	**127.707.687.320**
61	**Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ**		-	**1.582.194**
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**5**	**230.408.794.588**	**22.984.476.131**

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Lê Đức Anh	Lê Thị Huệ	Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2015

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 056673 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp vào ngày 23 tháng 12 năm 1999 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 8 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23 tháng 12 năm 2014.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- Sản xuất đường;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất;
- Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp; và
- Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	*Địa chỉ*
Văn phòng Công ty	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Chi nhánh Công ty tại Hà Nội	Số 16A Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Nhà máy cồn	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường số 1	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường số 2	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Xí nghiệp Nguyên liệu	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Trung tâm Công nghệ cao	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là: 720 (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 807).

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có 6 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

STT	*Tên công ty*	*Tỷ lệ lợi ích*	*Tỷ lệ biểu quyết*	*Địa chỉ trụ sở chính*	*Hoạt động chính trong năm*
1	Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất phân bón, kinh doanh dịch vụ vận tải, san lấp mặt bằng, kinh doanh các dịch vụ nông nghiệp
2	Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Trồng trọt, chăn nuôi, kinh doanh sản phẩm từ trồng trọt và chăn nuôi
3	Công ty TNHH Cơ giới Nông nghiệp Lam Sơn (*)	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Kinh doanh vận tải hàng hóa, gia công cơ khí, sửa chữa máy móc, thiết bị và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp
4	Công ty Cổ phần Nông Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Vân Sơn (**)	97,84%	100%	Huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Trồng trọt, chăn nuôi, kinh doanh sản phẩm từ trồng trọt, chăn nuôi
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bá Thước (***)	95,04%	97,78%	Huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất kinh doanh sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp
6	Trường Cao đẳng nghề Lam Kinh	90,04%	90,04%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Đào tạo cao đẳng và dạy nghề

(*) Công ty nắm giữ trực tiếp và gián tiếp qua công ty con là Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng.

(**) Công ty nắm giữ trực tiếp và gián tiếp qua các công ty con là Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn và Công ty TNHH Cơ giới Nông nghiệp Lam Sơn.

(***) Công ty nắm giữ trực tiếp và gián tiếp qua các công ty con là Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn, Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng và Công ty TNHH Cơ giới Nông nghiệp Lam Sơn.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty và các công ty con là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VNĐ").

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa công ty và các Công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của các cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa	- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty và các công ty con dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và các công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài và tiền thuê trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các quyền sử dụng đất này được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản và được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính như sau:

- Đối với các tài sản liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất mía đường, Công ty và các công ty con trích lập và phân bổ đều chi phí khấu hao của cả năm tài chính cho các tháng mà các nhà máy đường hoạt động, thông thường từ tháng 1 đến tháng 3 và tháng 11, tháng 12 của năm tài chính.
- Đối với các tài sản phục vụ cho hoạt động quản lý chung và các hoạt động kinh doanh khác, Công ty và các công ty con trích lập và ghi nhận chi phí khấu hao/hao mòn đều cho các tháng trong năm tài chính.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Khấu hao và hao mòn (tiếp theo)

Thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản được Công ty áp dụng như sau:

Quyền sử dụng đất lâu dài	Không khấu hao
Quyền sử dụng đất có thời hạn	30 - 35 năm
Phần mềm máy tính	5 - 8 năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	8 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Cây xanh lâu năm	8 - 23 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và các công ty con.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

- Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- Chi phí tiền thuê đất; và
- Các chi phí khác.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất với thời hạn từ 30 đến 35 năm. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.9 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại (tiếp theo)

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là ba (3) năm.

Các giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con nhưng không mất quyền kiểm soát

Khi Công ty mua lại lợi ích của các cổ đông thiểu số trong một công ty con, chênh lệch giữa giá mua và giá trị ghi sổ của tài sản thuần được mua được ghi nhận vào lợi nhuận chưa phân phối trên vốn chủ sở hữu.

Khi Công ty chuyển nhượng một phần quyền sở hữu trong một công ty con nhưng không mất quyền kiểm soát, phần chênh lệch giữa giá bán và giá trị ghi sổ của tài sản thuần đã bán được ghi nhận vào lợi nhuận chưa phân phối trên vốn chủ sở hữu.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Công ty và các công ty con có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty và các công ty con. Thông thường, Công ty và các công ty con được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư và được phân bổ trong khoảng thời gian ba (3) năm. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty và các công ty con trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cấn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng niên độ với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và các công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty và các công ty con (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con mở tài khoản tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông của Công ty và của các công ty con phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và các công ty con trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và các công ty con theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ này được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nguyên nhân khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

- Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

- Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty theo hướng dẫn tại Thông tư số 15/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 9 tháng 2 năm 2011. Số tiền trích quỹ hàng năm được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt dựa trên kế hoạch chi tiêu cho hoạt động phát triển khoa học và công nghệ hàng năm và không vượt quá 10% thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Số tiền trích quỹ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

Số tiền trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ được chấp nhận là chi phí được khấu trừ cho mục đích xác định thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong thời hạn 5 năm, kể từ năm kế tiếp năm trích lập, nếu Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích, Công ty sẽ phải nộp Ngân sách Nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập đã trích lập Quỹ mà không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích và phần lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó.

3.15 Nguồn kinh phí sự nghiệp

Nguồn kinh phí sự nghiệp là các khoản kinh phí được cấp bởi Ngân sách Nhà nước và được phê duyệt bởi các cơ quan quản lý nhà nước để thực hiện các dự án, chương trình mục tiêu không vì mục đích lợi nhuận.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và các công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty và các công ty con được xác lập.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty và các công ty con có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệnh tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệnh tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty và các công ty con quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty và các công ty con bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay và các công cụ tài chính không được niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty và các công ty con xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty và các công ty con bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, và các khoản vay ngân hàng và trái phiếu chuyển đổi.

Công cụ tài chính – Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó, giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu, và chỉ nếu, Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

3.19 Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Tại ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách áp dụng lãi suất thị trường cho loại trái phiếu không chuyển đổi tương tự. Khoản mục này được ghi nhận là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ cho đến khi được huỷ bỏ thông qua chuyển đổi hoặc được thanh toán.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Các chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi sau khi trừ thuế cũng được giảm trừ vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các năm sau.

Chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho các thành phần nợ phải trả tài chính và vốn chủ sở hữu theo tỷ lệ phân chia tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi cho các thành phần nợ phải trả tài chính và vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

4. CÁC GIAO DỊCH MUA VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN TRONG NĂM

Mua thêm cổ phần tại Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn

Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị của Công ty số 97 NQ/ĐLS-HĐQT ngày 8 tháng 12 năm 2014, Công ty đã hoàn tất việc mua lại 650.000 cổ phần (tương đương 41,94% vốn cổ phần) của Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn, một công ty con, từ các cổ đông khác trong giai đoạn từ ngày 10 tháng 12 năm 2014 đến ngày 23 tháng 12 năm 2014. Theo đó, Công ty đã nắm giữ toàn bộ vốn cổ phần tại công ty con này tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Giá phí phải trả bằng tiền cho các giao dịch mua thêm cổ phần nêu trên là 6.500.000.000 đồng. Tại ngày chuyển nhượng, giá trị ghi sổ của tài sản thuần mua thêm là 6.087.375.414 đồng. Phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần là 412.624.586 đồng được Công ty ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền mặt	5.091.997.086	2.032.130.150
Tiền gửi ngân hàng	19.316.797.502	19.452.345.981
Các khoản tương đương tiền (*)	206.000.000.000	1.500.000.000
	230.408.794.588	**22.984.476.131**

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn dưới ba tháng và hưởng lãi suất khoảng 4,7% – 5,5%/năm.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Cho vay ngắn hạn	-	12.053.754.836
	-	**12.053.754.836**

Cho vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm các khoản phải thu tiền gốc cho vay ngắn hạn và lãi vay phát sinh từ các hợp đồng cho Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam – Thụy Điển, một công ty liên kết của Công ty, vay với số tiền tương ứng là 8.031.615.336 đồng và 4.022.139.500 đồng. Trong năm 2014, Công ty đã chấp thuận không tính lãi vay đối với khoản cho vay ngắn hạn này căn cứ theo văn bản thỏa thuận được ký kết giữa Công ty và Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển vào ngày 31 tháng 3 năm 2014. Cũng tại ngày này, Công ty đã phân loại số dư gốc tiền vay ngắn hạn sang tài khoản phải thu ngắn hạn khác.

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

7.1 Phải thu khách hàng ngắn hạn

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	171.968.368.230	58.616.197.906
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	3.073.207.650	2.921.603.000
	175.041.575.880	**61.537.800.906**
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.392.453.367)	(2.480.794.580)

7.2 Trả trước cho người bán

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Trả trước cho người bán	62.747.902.802	111.462.114.768
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	57.465.243.110	56.222.184.212
	120.213.145.912	**167.684.298.980**

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền chuyển nhượng cổ phần (*)	13.768.938.800	6.968.730.000
Các khoản cho vay không lãi suất (**)	8.504.060.306	1.704.072.100
Phải thu từ Dự án tưới nước nhỏ giọt	-	440.409.109
Lãi dự thu	-	2.430.871.629
Các khoản phải thu công nhân viên	812.330.978	3.394.966.236
Phải thu khác	3.497.417.132	2.909.140.686
	26.582.747.216	**17.848.189.760**
Trong đó:		
Phải thu khác	*18.078.686.910*	*17.848.189.760*
Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	*8.504.060.306*	-

(*) Bao gồm khoản phải thu từ việc chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Lam Sơn như được trình bày tại Thuyết minh số 15.2.

(**) Bao gồm khoản cho vay Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam – Thụy Điển như được trình bày tại Thuyết minh số 6.

9. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Thành phẩm	21.139.609.221	153.469.811.182
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	147.611.867.865	202.624.868.513
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	52.613.716.197	33.924.941.976
Công cụ, dụng cụ	1.520.748.805	2.257.639.986
Hàng hóa	2.656.203.010	2.739.130.670
	225.542.145.098	**395.016.392.327**

Chi tiết trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	126.651.257	4.171.541.290
Tăng: Dự phòng trích lập thêm trong năm	2.063.146.688	126.651.257
Giảm: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(126.651.257)	(4.171.541.290)
Số cuối năm	**2.063.146.688**	**126.651.257**

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Chi phí kiểm tra, bảo trì, sửa chữa	21.280.269.779	20.348.909.800
Chi phí kiểm soát chất lượng và môi trường	-	410.076.323
Công cụ, dụng cụ	711.312.846	2.250.026.515
Chi phí chờ phân bổ tại Trung tâm Công nghệ cao	17.760.668	3.348.474.373
Hỗ trợ chênh lệch giá ngọn giống mía	-	1.772.584.328
Chi phí khác	3.788.439.588	2.153.771.795
	25.797.782.881	**30.283.843.134**

11. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải thu tiền đầu tư dự án tưới nước nhỏ giọt	-	8.849.162.575
Phải thu dài hạn các đối tượng khác	47.324.630	67.654.142
	47.324.630	**8.916.816.717**

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VNĐ

	Nhà cửa, vật kiến trúc	*Máy móc thiết bị*	*Phương tiện vận tải*	*Trang thiết bị văn phòng*	*Tài sản cố định khác*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:						
Số đầu năm	393.625.202.023	1.786.333.904.286	75.865.064.402	22.207.173.544	533.390.000	2.278.564.734.255
- Mua trong năm	120.351.485	10.224.638.435	265.000.000	-	-	10.609.989.920
- Đầu tư XDCB hoàn thành	25.913.741.816	87.593.061.932	-	596.385.652	-	114.103.189.400
- Tăng do hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 15.2)	2.917.527.091	-	-	-	-	2.917.527.091
- Tăng khác	-	1.173.270.000	-	-	-	1.173.270.000
- Giảm do góp vốn bằng tài sản	(402.975.455)	-	-	-	-	(402.975.455)
- Giảm khác	(242.364.000)	(231.889.325)	(511.047.273)	(50.551.869)	-	(1.035.852.467)
Số cuối năm	421.931.482.960	1.885.092.985.328	75.619.017.129	22.753.007.327	533.390.000	2.405.929.882.744
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	*109.858.738.512*	*532.161.415.199*	*37.080.199.570*	*17.597.749.898*	-	*696.698.103.179*
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	188.812.273.473	720.356.284.697	54.102.630.458	19.540.695.639	98.843.313	982.910.727.580
- Khấu hao trong năm	16.468.885.514	115.451.408.979	4.947.816.190	942.877.051	50.369.400	137.861.357.134
- Tăng khác	-	97.076.038	-	-	-	97.076.038
- Tăng do hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 15.2)	557.596.729	-	-	-	-	557.596.729
- Giảm do góp vốn bằng tài sản	(273.314.884)	-	-	-	-	(273.314.884)
- Giảm khác (*)	(294.240.275)	(3.569.928.982)	(199.217.001)	(45.460.259)	-	(4.108.846.517)
Số cuối năm	205.271.200.557	832.334.840.732	58.851.229.647	20.438.112.431	149.212.713	1.117.044.596.080
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	204.812.928.550	1.065.977.619.589	21.762.433.944	2.666.477.905	434.546.687	1.295.654.006.675
Số cuối năm	216.660.282.403	1.052.758.144.596	16.767.787.482	2.314.894.896	384.177.287	1.288.885.286.664

(*) Trong năm, Công ty đã điều chỉnh giảm giá trị hao mòn lũy kế của một số tài sản cố định hữu hình ghi nhận từ các năm tài chính trước căn cứ theo Quyết định của Cục thuế tỉnh Thanh Hóa ngày 14 tháng 12 năm 2013 (đối với năm tài chính 2012) và Biên bản thanh tra của Thanh tra tỉnh Thanh Hóa ngày 13 tháng 6 năm 2014 (đối với năm tài chính 2013).

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VNĐ

	Quyền sử dụng đất lâu dài	*Quyền sử dụng đất có thời hạn*	*Phần mềm máy tính*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:				
Số đầu năm	3.117.702.014	15.146.116.600	9.032.479.718	27.296.298.332
- Mua trong năm	1.700.000.000	-	-	1.700.000.000
- Giảm khác (*)	-	(14.400.238.000)	-	(14.400.238.000)
Số cuối năm	4.817.702.014	745.878.600	9.032.479.718	14.596.060.332
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	-	1.396.609.237	7.137.549.150	8.534.158.387
- Hao mòn trong năm	-	37.293.934	698.249.920	735.543.854
- Giảm khác (*)	-	(1.172.845.661)	-	(1.172.845.661)
Số cuối năm	-	261.057.510	7.835.799.070	8.096.856.580
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	3.117.702.014	13.749.507.363	1.894.930.568	18.762.139.945
Số cuối năm	4.817.702.014	484.821.090	1.196.680.648	6.499.203.752

(*) Trong năm, Công ty đã phân loại giá trị quyền sử dụng đất không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định vô hình sang chi phí trả trước dài hạn theo hướng dẫn của Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Dự án khách sạn Lam Sơn (*)	-	25.149.004.932
Dự án văn phòng làm việc, nhà ở (**)	23.526.099.894	21.797.550.713
Dự án Trung tâm Công nghệ cao Lam Sơn	21.563.489.457	16.182.302.204
Dự án nhà máy gạch Tuynel Lam Sơn - Bá Thước	22.421.105.978	10.132.006.131
Chi phí sửa chữa, nâng cấp văn phòng giao dịch Cành Nàng	-	4.763.030.408
Các dự án khác	7.882.384.585	2.351.925.064
	75.393.079.914	**80.375.819.452**

(*) Toàn bộ giá trị Dự án Khách sạn Lam Sơn đã được Công ty góp vốn vào Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Lam Sơn theo Biên bản xác định giá trị tài sản góp vốn ngày 15 tháng 5 năm 2014 (Thuyết minh số 15.2).

(**) Dự án văn phòng làm việc, nhà ở chủ yếu bao gồm giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của dự án văn phòng làm việc khu Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Hà Nội được Công ty đầu tư từ năm 2012. Công ty hiện đang tạm dừng việc triển khai dự án này trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

Đơn vị tính: VNĐ

	Thuyết minh	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Đầu tư vào công ty liên kết	*15.1*	20.062.612.333	19.700.864.578
Đầu tư dài hạn khác	*15.2*	15.490.700.000	31.805.875.202
- *Đầu tư cổ phiếu*		*13.214.200.000*	*13.214.200.000*
- *Cho vay dài hạn*		-	*7.162.997.949*
- *Đầu tư dài hạn khác*		*2.276.500.000*	*11.428.677.253*
		35.553.312.333	**51.506.739.780**

15.1 Đầu tư vào các công ty liên kết

	Thuyết minh	*Tỷ lệ biểu quyết nắm giữ*	*Số cuối năm*		*Số đầu năm*	
			Số cổ phần	*VNĐ*	*Số cổ phần*	*VNĐ*
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hóa	*(i)*	46,31%	55.562	4.198.832.828	54.784	4.179.236.092
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển	*(ii)*	38,39%	2.150.000	-	2.150.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân	*(iii)*	31,16%	1.500.000	15.863.779.505	1.500.000	15.521.628.486
				20.062.612.333		**19.700.864.578**

Giá trị các khoản đầu tư vào công ty liên kết này tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm:

Đơn vị tính: VNĐ

	Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hóa	*Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam – Thụy Điển*	*Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân*	*Tổng cộng*
Số đầu năm	4.179.236.092	-	15.521.628.486	19.700.864.578
Tăng do mua thêm cổ phần	233.400.000	-	-	233.400.000
Tăng khác	1.075.545.133	-	-	1.075.545.133
Phân bổ lợi thế thương mại	(1.133.561.706)	-	-	(1.133.561.706)
Phần lãi/(lỗ) từ công ty liên kết	(155.786.691)	-	342.151.019	186.364.328
Số cuối năm	**4.198.832.828**	**-**	**15.863.779.505**	**20.062.612.333**

(i) Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hóa

Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hóa là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2800115518 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 4 tháng 3 năm 2002. Công ty này có trụ sở chính tại số 25A Quang Trung, phường Ngọc Trạo, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hóa là kinh doanh dịch vụ khách sạn, kinh doanh dịch vụ quản lý nhà, cho thuê nhà và đất ở, cơ sở sản xuất kinh doanh và kinh doanh nhà kho, bến bãi.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty nắm 46,31% phần vốn chủ sở hữu trong công ty liên kết này.

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)

15.1 Đầu tư vào các công ty liên kết (tiếp theo)

(ii) Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển

Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 012032000254 do Ban Quản lý Các khu Công nghiệp và Chế xuất Hà Nội cấp vào ngày 20 tháng 9 năm 2007. Công ty này có trụ sở chính tại Lô CN-B3, Khu Công nghiệp Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển là sản xuất, pha chế và kinh doanh các sản phẩm rượu, đồ uống.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty nắm 38,39% phần vốn chủ sở hữu trong công ty liên kết này.

Theo hợp đồng nguyên tắc ngày 16 tháng 5 năm 2014 được ký giữa Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển, các cổ đông sáng lập của công ty này là Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn và Công ty Cổ phần Simco Sông Đà và nhà đầu tư, toàn bộ số cổ phần của các cổ đông hiện hữu sẽ được chuyển nhượng cho đơn vị nhận chuyển nhượng với giá bán là 58,3 tỷ đồng, trong đó 50,5 tỷ đồng sẽ được sử dụng để thanh toán cho các khoản nợ của Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển. Tuy nhiên, các thủ tục liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phần vẫn chưa được hoàn tất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, và theo đó Công ty tiếp tục ghi nhận khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển là một khoản đầu tư công ty liên kết.

(iii) Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2801700568 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 18 tháng 7 năm 2011. Công ty này có trụ sở chính tại thôn 8, xã Xuân Hòa, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân là trồng cây mía, dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi và kinh doanh các sản phẩm từ trồng trọt, chăn nuôi.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty nắm 31,16% phần vốn chủ sở hữu trong công ty liên kết này.

15.2 Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Số cổ phần	*VNĐ*	*Số cổ phần*	*VNĐ*
Đầu tư cổ phiếu		***13.214.200.000***		***13.214.200.000***
Công ty Cổ phần MB Land	900.000	900.000.000	900.000	900.000.000
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông	231.420	2.314.200.000	231.420	2.314.200.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Lam Sơn	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000
Cho vay dài hạn		***-***		***7.162.997.949***
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Lam Sơn		-		6.600.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Lam Sơn		-		562.997.949
Đầu tư dài hạn khác		***2.276.500.000***		***11.428.677.253***
Công ty Cổ phần Du lịch & Thương mại Lam Sơn (*)		-		3.000.000.000
Trường Cao đẳng nghề Lam Kinh		-		6.152.177.253
Công ty Cổ phần Thương mại Lam Hà	227.650	2.276.500.000	227.650	2.276.500.000
		15.490.700.000		**31.805.875.202**

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)

15.2 Đầu tư dài hạn khác (tiếp theo)

(*) Như được trình bày tại Thuyết minh số 8 và Thuyết minh số 14, sau khi thực hiện và hoàn thành việc tăng vốn góp bằng tài sản vào Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Lam Sơn vào ngày 15 tháng 5 năm 2014, Công ty đã ký kết các hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2014/HĐCNCP và số 02/2014/HĐCNCP ngày 27 tháng 6 năm 2014 để chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần góp tại Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Lam Sơn với giá chuyển nhượng là 30 tỷ đồng.

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền thuê đất trả trước	25.802.320.788	13.707.616.108
Dự án tưới nước nhỏ giọt	3.884.598.255	-
Dự án tưới nước ngầm	-	960.124.461
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	826.450.278	1.790.797.265
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.688.704.529	2.610.914.992
	33.202.073.850	**19.069.452.826**

17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Vay ngắn hạn ngân hàng (**)	510.240.040.280	393.869.234.020
Vay đối tượng khác (*)	1.330.000.000	800.000.000
Vay dài hạn đến hạn phải trả (Thuyết minh số 22)	-	2.000.000.000
	511.570.040.280	**396.669.234.020**

(*) Vay đối tượng khác bao gồm các khoản vay ngắn hạn từ Quỹ khuyến học của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn căn cứ theo hợp đồng ngày 17 tháng 10 năm 2013 và hợp đồng vay ngày 4 tháng 11 năm 2014 với số tiền tương ứng là 800 triệu đồng và 180 triệu đồng. Các khoản vay này chịu lãi suất 6,5%/năm và sẽ đáo hạn vào ngày 5 tháng 8 năm 2015. Lãi vay được trả tại ngày đáo hạn của khoản vay.

17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (tiếp theo)

(**) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VNĐ*	*Kỳ hạn trả gốc và lãi*	*Lãi suất*	*Hình thức đảm bảo*
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	313.982.586.081	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 10 tháng, với khế ước cuối cùng sẽ đáo hạn vào ngày 30 tháng 6 năm 2015. Lãi vay trả hàng tháng.	4% - 9%	Tín chấp tại Công ty và toàn bộ tài sản của Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Thanh Hóa	22.849.252.883	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với khế ước cuối cùng sẽ đáo hạn vào ngày 13 tháng 5 năm 2015. Lãi vay trả hàng tháng.	5,8%	Tín chấp, các khoản phải thu
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Thanh Hóa	151.657.199.666	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với khế ước cuối cùng sẽ đáo hạn vào ngày 16 tháng 6 năm 2015. Lãi vay trả hàng tháng	5,8% - 9%	Hàng tồn kho và các vật tư hàng hóa khác
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	20.500.000.000	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với khế ước cuối cùng sẽ đáo hạn vào ngày 13 tháng 5 năm 2015. Lãi vay trả hàng tháng	5,8%	Tín chấp, các khoản phải thu
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	1.251.001.650	Kỳ hạn cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với khế ước cuối cùng sẽ đáo hạn vào ngày 28 tháng 5 năm 2015. Lãi vay trả hàng tháng	8,5%	Các khoản phải thu, hàng tồn kho hình thành từ vốn vay
	510.240.040.280			

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Thuế giá trị gia tăng	11.166.396.271	6.765.415.049
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 31.2)	7.175.696.342	4.036.842.205
Thuế thu nhập cá nhân	-	25.406.062
Thuế tài nguyên	5.796.640	10.719.996
Các khoản phải nộp khác	12.645.566	7.657.140
	18.360.534.819	**10.846.040.452**

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Chi phí lãi vay	4.554.316.131	6.513.404.704
Chi phí Dự án nhà máy điện năng lượng tái tạo công suất 12,5 MW	-	9.088.913.882
Chi phí giao thông vùng mía và vận chuyển mía	40.776.063	-
Các khoản khác	4.947.979.133	907.483.786
	9.543.071.327	**16.509.802.372**

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Quỹ của cán bộ công nhân viên góp từ lương (*)	-	14.833.319.073
Phải trả tiền thưởng vượt kế hoạch lợi nhuận	8.359.944.049	8.359.944.049
Phải trả các đối tác đã góp vốn vào Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Lam Sơn	-	4.655.000.000
Kinh phí công đoàn	1.903.036.784	2.175.541.257
Cổ tức phải trả	2.136.571.913	1.343.441.300
Bảo hiểm xã hội	608.393.440	536.004.706
Các khoản phải trả khác	6.738.105.219	7.346.474.287
	19.746.051.405	**39.249.724.672**

(*) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 57-NQ/ĐLS-HĐQT ngày 12 tháng 7 năm 2014, Công ty đã chuyển khoản đóng góp của cán bộ công nhân viên với số tiền là 14,5 tỷ đồng sang quỹ khen thưởng, phúc lợi để sử dụng các hoạt động phúc lợi cho cán bộ công nhân viên của Công ty.

21. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Đơn vị tính: VNĐ

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	55.980.519.327	59.850.338.214
Trích lập quỹ trong năm (Thuyết minh số 24)	3.943.881.310	5.360.147.429
Chuyển từ quỹ cán bộ công nhân viên (Thuyết minh số 20)	14.500.000.000	-
Sử dụng quỹ trong năm	(5.665.531.994)	(9.229.966.316)
Số cuối năm	**68.758.868.643**	**55.980.519.327**

22. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Trái phiếu chuyển đổi (Thuyết minh số 24.1)	-	200.000.000.000
Vay dài hạn khác (*)	2.000.000.000	2.000.000.000
	2.000.000.000	**202.000.000.000**
Trong đó:		
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 17)	-	*2.000.000.000*
Vay dài hạn	*2.000.000.000*	*200.000.000.000*

(*) Đây là khoản vay từ Công đoàn Công ty theo Hợp đồng số 02/HĐ/CĐ-Lasuco ngày 1 tháng 1 năm 2014 (thay thế cho hợp đồng cũ 02/HĐ/CĐ-LASUCO ngày 1 tháng 12 năm 2011). Khoản vay này sẽ đáo hạn vào ngày 1 tháng 1 năm 2016 và có lãi suất là 7,5%/năm, được thanh toán định kỳ 6 tháng một lần.

23. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Đơn vị tính: VNĐ

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	47.025.014.732	47.880.236.884
Trích lập quỹ trong năm (*)	5.500.000.000	-
Tăng khác	3.489.506.239	-
Sử dụng quỹ trong năm	(630.833.204)	(855.222.152)
Số cuối năm	**55.383.687.767**	**47.025.014.732**
Trong đó:		
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	*48.140.464.767*	*47.025.014.732*
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành TSCĐ	*7.243.223.000*	-

(*) Công ty trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ với tỷ lệ tối đa 10% trên tổng thu nhập chịu thuế ước tính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VNĐ

	Vốn góp	*Thặng dư vốn cổ phần*	*Vốn khác của chủ sở hữu*	*Chênh lệch tỷ giá hối đoái*	*Quỹ đầu tư phát triển*	*Quỹ dự phòng tài chính*	*Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Năm trước									
Số đầu năm	500.000.000.000	180.276.411.784	286.627.141	-	480.452.896.399	61.310.648.245	133.182.845	33.192.207.854	1.255.651.974.268
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	40.444.814.181	40.444.814.181
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	13.342.654.296	1.783.724.964	-	(16.136.231.689)	(1.009.852.429)
- Giảm do thoái vốn trong công ty con	-	-	(286.627.141)	-	(68.003.903)	(150.362.011)	-	(6.389.672.814)	(6.894.665.869)
- Tăng khác	-	-	-	1.052.827	-	-	-	-	1.052.827
- Giảm khác	-	-	-	(1.052.827)	(2.659.956.504)	(87.326.742)	-	3.081.384.728	333.048.655
Số cuối năm	500.000.000.000	180.276.411.784	-	-	491.067.590.288	62.856.684.456	133.182.845	54.192.502.260	1.288.526.371.633
Năm nay									
Số đầu năm	500.000.000.000	180.276.411.784	-	-	491.067.590.288	62.856.684.456	133.182.845	54.192.502.260	1.288.526.371.633
- Tăng vốn (*)	200.000.000.000	-	-	-	-	-	-	-	200.000.000.000
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	51.343.714.863	51.343.714.863
- Giảm do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-	-	(3.025.246.665)	(3.025.246.665)
- Tăng/(giảm) do thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con	-	-	-	-	4.201.305.174	498.483.224	-	(5.112.412.984)	(412.624.586)
- Chia cổ tức (**)	-	-	-	-	-	-	-	(72.500.000.000)	(72.500.000.000)
- Trích lập quỹ	-	-	-	-	12.071.757.333	1.971.940.655	-	(14.043.697.988)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(3.943.881.310)	(3.943.881.310)
- Tăng (giảm) khác (***)	-	-	-	-	(13.363.636)	-	-	5.734.866.975	5.721.503.339
Số cuối năm	700.000.000.000	180.276.411.784	-	-	507.327.289.159	65.327.108.335	133.182.845	12.645.845.151	1.465.709.837.274

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(*) Theo Nghị quyết số 78/NQ/ĐLS-HĐQT ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Hội đồng Quản trị, Công ty đã thực hiện thành công việc chuyển đổi 2.000.000 trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu (1 trái phiếu chuyển đổi bằng 10 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phiếu) và các cổ phiếu phát hành bổ sung này đã được niêm yết vào ngày 19 tháng 12 năm 2014 (bao gồm 5.000.000 cổ phiếu phát hành cho cán bộ công nhân viên của Công ty bị hạn chế chuyển nhượng cho đến ngày 10 tháng 10 năm 2017).

(**) Bao gồm cổ tức năm 2012, năm 2013 và tạm chia cổ tức năm 2014 với giá trị tương ứng là 22,5 tỷ đồng, 27,5 tỷ đồng và 22,5 tỷ đồng.

(***) Phần tăng/(giảm) khác trong năm chủ yếu là do Công ty đã điều chỉnh tăng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối liên quan đến các điều chỉnh tăng/(giảm) các khoản mục chi phí và doanh thu phát sinh trong các năm tài chính trước theo Quyết định của Cục thuế tỉnh Thanh Hóa ngày 14 tháng 12 năm 2013 (đối với năm tài chính 2012) và Biên bản thanh tra của Thanh tra tỉnh Thanh Hóa ngày 13 tháng 6 năm 2014 (đối với năm tài chính 2013).

24.2 Chi tiết vốn cổ phần đã góp

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm			*Số đầu năm*		
	Tổng số cổ phiếu	*Cổ phiếu thường*	*Cổ phiếu ưu đãi*	*Tổng số cổ phiếu*	*Cổ phiếu thường*	*Cổ phiếu ưu đãi*
Vốn góp cổ đông	70.000.000	70.000.000	-	50.000.000	50.000.000	-
	70.000.000	**70.000.000**	**-**	**50.000.000**	**50.000.000**	**-**

24.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VNĐ

	Năm nay	*Năm trước*
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	500.000.000.000	500.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	200.000.000.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	**700.000.000.000**	**500.000.000.000**
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	***72.500.000.000***	**-**

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ (2013: 10.000 VNĐ).

24.4 Cổ phiếu

	Năm nay	*Năm trước*
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	**70.000.000**	**50.000.000**
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	**70.000.000**	**50.000.000**
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	50.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**70.000.000**	**50.000.000**
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	50.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.5 Cổ tức

Đơn vị tính: VNĐ

	Năm nay	*Năm trước*
Cổ tức đã công bố trong năm		
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông		
Cổ tức tạm chia cho năm 2014: 450 VNĐ/cổ phiếu	22.500.000.000	-
Cổ tức cho năm 2013: 550 VNĐ/cổ phiếu	27.500.000.000	-
Cổ tức cho năm 2012: 450 VNĐ/cổ phiếu	-	22.500.000.000
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	**-**	**-**

25. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Đơn vị tính: VNĐ

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	11.509.655.834	19.133.480.674
(Lỗ)/lợi nhuận thuộc về cổ đông thiểu số	(4.922.031.038)	1.114.095.518
Các điều chỉnh giảm khác	(6.143.547.066)	(8.737.920.358)
Số cuối năm	**444.077.730**	**11.509.655.834**

26. DOANH THU

26.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị tính: VNĐ

	Năm nay	*Năm trước*
Tổng doanh thu	**1.733.109.059.477**	**1.848.159.136.143**
Trong đó		
Doanh thu bán hàng	*1.721.487.130.750*	*1.822.604.513.432*
Doanh thu cung cấp dịch vụ	*11.621.928.727*	*25.554.622.711*
Các khoản giảm trừ doanh thu	**81.478.771**	**770.237.703**
Giảm giá hàng bán	*9.300.200*	*14.978.181*
Hàng bán bị trả lại	*72.178.571*	*755.259.522*
Doanh thu thuần	**1.733.027.580.706**	**1.847.388.898.440**
Trong đó:		
Doanh thu thuần sản phẩm, hàng hóa	*1.721.414.952.180*	*1.821.834.275.729*
Doanh thu thuần dịch vụ	*11.612.628.526*	*25.554.622.711*

26.2 Doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị tính: VNĐ

	Năm nay	*Năm trước*
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.353.078.969	2.045.904.625
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	1.105.212.500
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	124.856.680
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.636.069
Lãi bán hàng trả chậm	2.575.464.720	1.173.593.985
Doanh thu hoạt động tài chính khác	77.869.504	614.127.000
	4.006.413.193	**5.065.330.859**

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Đơn vị tính: VNĐ

	Năm nay	*Năm trước*
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.519.696.655.373	1.613.436.923.947
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.249.513.147	12.240.239.228
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(4.044.890.033)
	1.525.946.168.520	**1.621.632.273.142**

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VNĐ

	Năm nay	*Năm trước*
Lãi tiền vay	60.206.836.657	86.529.077.787
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	906.909.612	-
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	4.022.139.500	11.969.016.840
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	196.948.425	255.725.370
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	(121.660.781)
Chi phí tài chính khác	-	200.000.000
	65.332.834.194	**98.832.159.216**

29. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

Đơn vị tính: VNĐ

	Năm nay	*Năm trước*
Thu nhập khác	**6.721.139.306**	**9.978.373.144**
Tiền bán sắt thép phế liệu	-	2.806.400.000
Thu thanh lý tài sản	550.000.000	5.241.672.779
Chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản đem đầu tư	1.721.334.497	-
Thu lại quỹ trợ cấp mất việc làm đã chi năm 2012	-	737.899.732
Thu nhập từ bán chứng chỉ giảm phát thải CER	3.827.434.514	-
Thu nhập khác	622.370.295	1.192.400.633
Chi phí khác	**6.956.255.580**	**10.791.591.172**
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý và vật tư tiêu hủy	1.331.937.261	6.658.770.836
Chi phí thiệt hại mật rỉ	-	2.504.919.344
Chi phí khấu hao tài sản cố định tạm dừng sản xuất	4.770.188.517	-
Chi phí tư vấn dự án cơ chế phát triển sạch CDM	394.807.899	-
Chi phí khác	459.321.903	1.627.900.992
LỖ THUẦN KHÁC	**(235.116.274)**	**(813.218.028)**

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị tính: VNĐ

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.205.399.772.355	1.402.794.111.182
Chi phí nhân công	76.943.126.230	112.317.141.458
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	138.596.900.988	117.452.483.843
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.211.621.209	51.123.626.668
Chi phí tài chính	60.206.836.657	86.529.077.787
Chi phí khác	37.116.501.411	57.737.187.276
	1.561.474.758.850	**1.827.953.628.214**

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 22% lợi nhuận chịu thuế. Đối với hoạt động cung cấp dịch vụ kỹ thuật phục vụ cho hoạt động sản xuất nông nghiệp của Công ty Cổ phần Cơ giới Nông nghiệp Lam Sơn, thu nhập từ hoạt động này được miễn thuế TNDN.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

31.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Đơn vị tính: VNĐ

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí thuế TNDN hiện hành	15.758.503.216	13.766.775.430
(Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	(311.131.678)	191.274.365
	15.447.371.538	**13.958.049.795**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

31.2 Thuế TNDN hiện hành

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế.

Đơn vị tính: VNĐ

	Năm nay	*Năm trước*
Lợi nhuận thuần trước thuế	**61.869.055.363**	**55.516.959.494**
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán		
Các khoản điều chỉnh tăng		
Các khoản phạt	212.395.564	577.476.740
Khấu hao vượt mức quy định	334.922.511	334.922.511
Chi phí khấu hao nhà máy cồn dừng sản xuất	4.770.188.517	-
Thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách	364.000.000	478.056.765
Dự phòng phải thu khó đòi	182.081.212	-
Điều chỉnh lợi nhuận chưa thực hiện cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính, ghi nhận phần lỗ trong công ty liên kết và phân bổ lợi thế thương mại	2.671.848.683	6.270.612.618
Các khoản tăng khác	81.107.914	478.268.594
Các khoản điều chỉnh giảm		
Điều chỉnh lợi nhuận chưa thực hiện năm trước cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính	(1.930.459.106)	-
Thay đổi trong dự phòng đầu tư vào công ty con, công ty liên kết	(8.124.653.340)	(10.545.773.170)
Thu nhập từ bán chứng chỉ giảm phát thải CER	(3.432.626.615)	-
Cổ tức được chia	-	(2.150.059.500)
Các khoản giảm khác	-	(358.877.054)
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa cấn trừ lỗ năm trước	**56.997.860.703**	**50.601.586.998**
Lỗ năm trước chuyển sang	(585.855.909)	-
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành	**56.412.004.794**	**50.601.586.998**
Thu nhập chịu thuế	*72.766.082.794*	*55.067.101.720*
Lỗ của các công ty con (*)	*(16.354.078.000)*	*(4.465.514.722)*
Thuế TNDN phải trả ước tính trong năm hiện hành	**16.008.538.216**	**13.766.775.430**
Điều chỉnh giảm thuế TNDN năm 2013	(250.035.000)	-
Thuế TNDN phải trả đầu năm	4.036.842.205	11.547.262.554
Thuế TNDN phải nộp bổ sung các năm trước (**)	4.221.144.839	(316.453.753)
Thuế TNDN đã trả trong năm	(16.840.793.918)	(20.960.742.026)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	**7.175.696.342**	**4.036.842.205**

(*) Đây là khoản lỗ trong năm của các công ty con. Công ty và các công ty con chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ này do không thể dự tính được lợi nhuận chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

(**) Đây là các khoản điều chỉnh tăng thuế TNDN trích thiếu trong các năm tài chính trước theo Quyết định của Cục thuế tỉnh Thanh Hóa ngày 14 tháng 12 năm 2013 (đối với năm tài chính 2012) và Biên bản thanh tra của Thanh tra tỉnh Thanh Hóa ngày 13 tháng 6 năm 2014 (đối với năm tài chính 2013).

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

31.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty và các công ty con đã ghi nhận một số khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và kỳ trước như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất*	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*	*Năm nay*	*Năm trước*
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Ảnh hưởng của các giao dịch nội bộ được cấn trừ khi hợp nhất	365.262.603	54.526.473	310.736.130	(191.274.365)
	365.262.603	**54.526.473**		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Các khoản chênh lệch phát sinh	-	(395.548)	395.548	-
	-	**(395.548)**		
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất			**311.131.678**	**(191.274.365)**

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty và các công ty con với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Đơn vị tính: VNĐ

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Giá trị*
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn - Như Xuân	Công ty liên kết	Mua nguyên vật liệu	101.715.522.850
		Cung cấp hàng hóa	350.070.000
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	Điều chỉnh giảm lãi vay	4.022.139.500
		Cho vay trong năm	472.444.970
		Phân loại lại phần gốc vay không chịu lãi	8.031.615.336

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty và các công ty con bán hàng và mua hàng đối với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc cấn trừ công nợ. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty và các công ty con chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ. Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ tài chính thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Phải thu*
Phải thu khách hàng (Thuyết minh số 7.1)			
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam – Thụy Điển	Công ty liên kết	Phải thu bán hàng	2.921.603.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Lam Sơn – Như Xuân	Công ty liên kết	Phải thu bán hàng	151.604.650
			3.073.207.650
Trả trước cho người bán (Thuyết minh số 7.2)			
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Lam Sơn – Như Xuân	Công ty liên kết	Tạm ứng tiền mía	56.583.243.110
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam – Thụy Điển	Công ty liên kết	Tạm ứng tiền mua hàng hóa	882.000.000
			57.465.243.110
Phải thu khác (Thuyết minh số 8)			
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam – Thụy Điển	Công ty liên kết	Phải thu tiền gốc vay	8.504.060.306
			8.504.060.306

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Đơn vị tính: VNĐ

	Năm nay	*Năm trước*
Lương và thưởng	3.267.983.032	2.125.996.019
	3.267.983.032	**2.125.996.019**

33. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

33. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)

Công ty và các công ty con sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

Đơn vị tính: VNĐ

	Năm nay	*Năm trước*
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	51.343.714.863	40.444.814.181
Lãi của trái phiếu có quyền chuyển đổi trong năm	-	18.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	**51.343.714.863**	**58.444.814.181**
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	51.343.714.863	50.000.000
Ảnh hưởng của việc phát hành trái phiếu chuyển đổi		
Số lượng trái phiếu chuyển đổi	-	20.000.000
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	**54.493.151**	**70.000.000**
Lãi trên cổ phiếu		
- *Lãi cơ bản*	*942*	*809*
- *Lãi suy giảm (*)*	*942*	*809*

(*) Khoản trái phiếu chuyển đổi này có ảnh hưởng suy giảm ngược trong năm 2013.

34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty và các công ty con là sản xuất đường. Doanh thu các sản phẩm từ đường chiếm tỷ trọng 84,19% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty và các công ty con không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

35. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty và các công ty con có cam kết khoảng 24,8 tỷ đồng Việt Nam từ các hợp đồng mua máy móc thiết bị, vật liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

36. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty và các công ty con chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu chuyển đổi, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty và các công ty con. Công ty và các công ty con có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty và các công ty con. Công ty và các công ty con không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty và các công ty con có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con. Công ty và các công ty con đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty và các công ty con để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.
Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng:

- độ nhạy của các khoản mục trên bảng cân đối kế toán hợp nhất liên quan đến các công cụ nợ sẵn sàng để bán;
- độ nhạy của các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty và các công ty con nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty và các công ty con chủ yếu liên quan đến tiền các khoản tiền gửi ngân hàng, các khoản vay ngắn hạn, dài hạn chịu lãi suất thả nổi của Công ty và các công ty con.

Công ty và các công ty con quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, bao gồm thị trường tiền tệ và kinh tế trong nước và quốc tế. Trên cơ sở đó, Công ty và các công ty con dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại.

36. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay và nợ đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty và các công ty con như sau (tác động đến vốn chủ sở hữu của Công ty và các công ty con là không đáng kể):

Đơn vị tính: VNĐ

	Tăng/ giảm điểm cơ bản	*Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế*
Năm nay		
VNĐ	+75	(3.261.439.144)
VNĐ	-75	3.261.439.144
Năm trước		
VNĐ	+25	(2.595.276.982)
VNĐ	-25	2.595.276.982

Mức tăng/giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty và các công ty con có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hóa bằng các đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty và các công ty con như được trình bày trong Thuyết minh số 2.4. Công ty và các công ty con quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty và các công ty con lập kế hoạch mua và bán hàng hóa trong tương lai bằng ngoại tệ, ngoại trừ việc tăng tỷ lệ phòng ngừa rủi ro. Công ty và các công ty con không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty và các công ty con không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 vì các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là không đáng kể.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Tất cả các cổ phiếu được nắm giữ bởi Công ty và các công ty con trong năm là cổ phiếu chưa niêm yết. Các cổ phiếu chưa niêm yết do Công ty và các công ty con nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu. Hội đồng Quản trị của Công ty và các công ty con cũng xem xét và phê duyệt toàn bộ các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty và các công ty con có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty và các công ty con quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty và các công ty con chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

36. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty và các công ty con có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty và các công ty con quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty và các công ty con có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty và các công ty con thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty và các công ty con thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty và các công ty con chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán của Công ty và các công ty con theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty và các công ty con đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán hợp nhất tại mỗi kỳ lập báo cáo chính hợp nhất là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5. Công ty và các công ty con nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty và các công ty con gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty và các công ty con chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty và các công ty con giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và các công ty con và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

36. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty và các công ty con dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở đã được chiết khấu:

Đơn vị tính: VNĐ

	Bất kỳ thời điểm nào	*Dưới 1 năm*	*Từ 1-5 năm*	*Tổng cộng*
Số cuối năm				
Các khoản vay và nợ	-	511.570.040.280	2.000.000.000	513.570.040.280
Phải trả người bán	67.657.090.949	-	-	67.657.090.949
Chi phí phải trả	4.988.755.196	4.554.316.131	-	9.543.071.327
Các khoản phải trả khác	15.098.049.268	-	-	15.098.049.268
	87.743.895.413	**516.124.356.411**	**2.000.000.000**	**605.868.251.824**
Số đầu năm				
Các khoản vay và nợ	-	396.669.234.020	-	396.669.234.020
Phải trả người bán	68.249.641.180	-	-	68.249.641.180
Chi phí phải trả	9.996.397.668	6.513.404.704	-	16.509.802.372
Các khoản phải trả khác	20.361.418.336	-	-	20.361.418.336
	98.607.457.184	**403.182.638.724**	**-**	**501.790.095.908**

Tài sản đảm bảo

Công ty và các công ty con không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013.

37. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Đơn vị tính: VNĐ

	Giá trị ghi sổ				*Giá trị hợp lý*	
	Số cuối năm		*Số đầu năm*		*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
	Nguyên giá	*Dự phòng*	*Nguyên giá*	*Dự phòng*		
Tài sản tài chính						
Các khoản đầu tư nắm giữ để kinh doanh	15.490.700.000	-	18.490.700.000	-	15.490.700.000	18.490.700.000
- *Cổ phiếu chưa niêm yết*	*15.490.700.000*	-	*18.490.700.000*	-	*15.490.700.000*	*18.490.700.000*
Phải thu khách hàng	175.041.575.880	(3.392.453.367)	61.537.800.906	(2.480.794.580)	171.649.122.513	59.057.006.326
Phải thu khác	26.630.071.846	(22.500.000)	26.765.006.477	(22.500.000)	26.607.571.846	26.742.506.477
Các khoản tài sản tài chính dài hạn khác	-	-	7.162.997.949	-	-	7.162.997.949
Tiền và các khoản tương đương tiền	230.408.794.588	-	22.984.476.131	-	230.408.794.588	22.984.476.131
	447.571.142.314	**(3.414.953.367)**	**136.940.981.463**	**(2.503.294.580)**	**444.156.188.947**	**134.437.686.883**

Đơn vị tính: VNĐ

	Giá trị ghi sổ		*Giá trị hợp lý*	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	513.570.040.280	396.669.234.020	513.570.040.280	396.669.234.020
Trái phiếu chuyển đổi	-	200.000.000.000	-	200.000.000.000
Phải trả người bán	67.657.090.949	68.249.641.180	67.657.090.949	68.249.641.180
Chi phí phải trả và các khoản phải trả khác	24.641.120.595	36.871.220.708	24.641.120.595	36.871.220.708
	605.868.251.824	**701.790.095.908**	**605.868.251.824**	**701.790.095.908**

37. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty và các công ty con sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản vay và nợ ngắn hạn, các khoản phải trả người bán, và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn;
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắn chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cho các công cụ tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ; và
- Giá trị hợp lý của các khoản nợ tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cho các công cụ tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

38. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và các công ty con và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Lê Đức Anh	Lê Thị Huệ	Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN
Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn - Thọ Xuân - Thanh Hóa
Điện thoại: (+84) 037 834 091 | Fax: (+84) 037 834 092
Email: info@lasuco.com.vn | Web: www.lasuco.com.vn

Chi nhánh LASUCO tại Hà Nội
Trung tâm thương mại Xuất Nhập Khẩu
Địa chỉ: 6/53 Nguyễn Khoái - P. Bạch Đằng - Q. Hai Bà Trưng - Hà Nội
Điện thoại: (+84) 043 9 834 725 | Fax: (+84) 043 8 621 106
Email: lamsonhanoi@gmail.com - kinhdoanh.lasuco@gmail.com

Văn phòng LAUCO - GIZEF (Việt Nam)
Địa chỉ: 145 Dương Đình Nghệ - Thành phố Thanh Hóa – Việt Nam
Điện thoại : : (+84) 373 720 338 | Fax: (+84) 373 720 338

GIZEF - LAUCO OFFICE (GERMANY)
Grunder-und Innovationszentrum
Freiberg Brand-Erbisdorf GmbH (GIZEF)
Add: Am St.-Niclas-Schacht 13
D-09599 Freiberg BRD | Tel&Fax: +49 3731 7810